AUSTRALIAN
WAR MEMORIAL

Series number: AWM276
Control symbol: R445/2/2 PART A
DPI: 300

This item is provided for private research purposes only. If you desire to use this material for publication or any other purpose you may only do so with the permission of the copyright holder.

Scan date: 24/05/0016
Reviewed: 12/12/2016

Printed on acid free paper

HONOURS AND AWARDS – ALLIED RECOMMENDATIONS

AUSTRALIAN WAR MEMORIAL
ACCESS STATUS
OPEN

AWM 276.

R445/2/2 PART A

AUSTRALIAN WAR MEMORIAL
ACCESS STATUS
OPEN

HONOURS AND AWARDS - ALLIED

RECOMMENDATIONS

K		
445	2	2

(FILE No.)

DEPARTMENT OF THE ARMY

SECRET

TO BE PASSED BY HAND

ALLIED REQUIREMENTS

K	
445	
2	

(FILE No.)

ARCHIVAL CATEGORY

.....

.....

DO NOT HOLD this file when lapses in action may exceed seven (7) days.

SUBJECT: HONOURS AND AWARDS

ALLIED

RECOMMENDATIONS

FOLIO No.	REFERRED TO	DATE	CLEARING OFFICERS INITIALS
	Type	10/1	
	Type	17/4	

Trình Stc 03-05.

VIỆT NAM CỘNG HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MƯU/QLVNCH
PHÒNG TỔNG QUẢN TRỊ

Số : 039 /TTM/CL/NQ.

TỔNG THAM MƯU TRƯỞNG
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

Y

- Chiếu Dụ số 10-b ngày 15-8-1950, tạo lập " ANH DŨNG BỘI TINH ",
- Chiếu Sắc Lệnh số 74-b/QT ngày 15-8-1950, ấn định thể thức cấp thưởng " ANH DŨNG BỘI TINH ",
- Chiếu Sắc Lệnh số 614-a/TT/SL ngày 01-7-1970, ấn định hệ thống tổ chức Quốc Phòng và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa,
- Chiếu Nghị Định số 59/QP/NĐ ngày 20-01-1968, tạo lập " BẰNG TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ ",
- Chiếu Nghị Định số 58/QP/NĐ ngày 20-01-1968, tạo lập " HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ ",
- Chiếu Huấn Thị số 655-417 ngày 27-4-1968, ấn định thể thức cấp phát "BẰNG TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ "
- Chiếu Huấn Thị số 655-418 ngày 27-4-1968 , ấn định thể thức cấp phát"HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ ",

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG.
Trước Quân Đội

- TOÁN HUẤN LUYỆN BỘ BINH ÚC-ĐẠI LỢI CẠNH QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA.
(The Australian Army Training Team Vietnam).

" Đơn vị xuất sắc, quy tụ các chiến sĩ ưu tú, giàu khả năng và thiện chí.

Phục vụ tại Việt Nam từ ngày 31-7-1962 đến 31-10-1971 và thành lập căn bản một Trung Đoàn có nhiệm vụ yểm trợ các cuộc hành quân chống phiến loạn, Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc Đại Lợi đã trợ giúp đắc lực các Trung Đoàn thuộc Quân Đoàn I tại Phú Bài, Biệt Động Quân tại Đục Mỹ và Lực Lượng Đặc Biệt tại biên giới Lào-Việt .

Trong năm 1964, Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc Đại Lợi đã góp phần vào việc phát triển các lực lượng Địa Phương Quân và Nghĩa Quân, thành lập toán Cố Vấn trong mỗi Tiểu Đoàn tác chiến Việt Nam tại các Quân Khu.

Đặc biệt, Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc Đại Lợi đã tham dự hầu hết các cuộc hành quân tại Quân Khu I từ năm 1964 đến năm 1970 và nhất là từ tháng 2 đến tháng 8 1970 trong các trận đánh để bảo vệ căn cứ hỏa lực Fuller, Tun Tavern và O'reilly tại Quảng Trị và Thừa Thiên, gây cho đối phương tổn thất nặng nề về nhân mạng và vũ khí.

Trong các cuộc hành quân Lam Sơn 719 + 720 + 810 và Quyết Thắng 20/B1 các chiến sĩ Úc Đại Lợi đã xem thường nguy hiểm, sát cánh với các đơn vị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa anh dũng chiến đấu đánh tan nhiều đơn vị chính quy Bắc Việt.

Kết Quả : - Địch : 23.381 tên chết tại chỗ.
114 tên bị bắt sống.
- Tịch thu: 2.165 súng cộng đồng.
5.658 súng cá nhân .
- Phá hủy : 108 thiết giáp.

. . . 2 . . . /.

Với thành tích nêu trên, Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc-Đại-Lợi đã góp phần thiết thực vào công cuộc chiến đấu chống Cộng-Sản để bảo vệ tự do tại Việt Nam Cộng Hòa đồng thời nêu cao truyền thống hào hùng của lực lượng Úc-Đại-Lợi."

TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG NÀY CÓ KÈM :

- BẰNG TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ màu Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu cho hiệu kỳ Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc- Đại-Lợi cạnh Quân Lực Việt-Nam Cộng Hòa.

- ANH DŨNG BỘI TINH với Nhành Dương Liễu cho các đơn vị trưởng gồm :

- Đại Tá	F. D. SERONG DSO, OBE	- 3102.
- Đại Tá	O. D. JACKSON OBE	- 2111.
- Trung Tá	A. V. PREECE DSO, MVO	- 1113.
- Trung Tá	R.G.P.S. Mc NAMARA, OBE	- 2270
- Trung Tá	A. J. MILNER OBE	- 628.
- Trung Tá	M. T. TRIPP , OBE	- 590.
- Trung Tá	R. L. BURNARD	- 235022.
- Trung Tá	R.D.F. LLOYD MC	- 57015.
- Đại Tá	J. A. CLARK , OBE	- 3483.
- Thiếu Tá	R. J. AITKEN	- 33810.
- Đại Tá	G. J. LEARY	- 648.
- Trung Tá	P. T. F. OWANS	- 57036.

- HUY HIỆU TUYÊN CÔNG ĐƠN VỊ màu Anh Dũng Bội Tinh với Nhành Dương Liễu cho các quân nhân thuộc Toán Huấn Luyện Bộ Binh Úc-Đại-Lợi tại Việt-Nam.-

(Công-Lệnh này thay thế Công Lệnh số 191-Đ/TTM/CL/NQ ngày 06-12-1971 của Bộ Tổng Tham Mưu/Q.L.V.N.C.H.)

KBC. 4.002, ngày 12 tháng 5 năm 1972.
Đại Tướng CAO-VĂN-VIÊN
Tổng Tham Mưu Trưởng Q.L.V.N.C.H.

NƠI NHẬN :

Bộ Quốc Phòng/VP (2b)
"Để tường trình"
Trung Tâm Văn Khố/TTM. (1b)
Ủy Ban Điều-Hành Quân-Viện/ Thế Giới Tự-Do. (5b)
"Để tùy nghi"
BTL/Quân-Đoàn I/P.TQT (5b)
"Để tống đạt"

AUSTRALIAN MILITARY FORCES

IN REPLY PLEASE QUOTE
B445-2-2

HEADQUARTERS
1ST AUSTRALIAN TASK FORCE
VIETNAM

16 Jan 72

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals received for the following approved Vietnamese awards:

a. Civil Actions Medal, 1st Class

Maj D. McY. Smith	-	HQ 1 ATF (no medal)
Chap R. Cosier	-	HQ 1 ATF
Chap L.G. Trump	-	HQ 1 ATF (no medal)
Chap A. Switzer	-	4 RAR/NZ
Chap J.E. Carde	-	4 RAR/NZ
Maj G.S. Vercoe	-	8 Fd Amb
2Lt M.L. Morrison	-	1 Psyops Unit
Lt Col L.A. Wright	-	1 Aust CA Unit

b. Civil Actions Medal, 2nd Class

WO2 P. Tanzer	-	1 Aust CA Unit
Cpl M.C. Appleby	-	1 Aust CA Unit
Lcpl K.E. Walsh	-	1 Aust CA Unit

2. Maj Smith and Chap Trump have received their medals and certificates separately.

3. It is requested that the receipt of these awards be noted on the respective member's files and that the medals, certificates and citations be forwarded to the members concerned. (Note that Chap Carde was a NZ member).

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Citations (11).
2. Certificates (9)
3. Medals (9).

AUSTRALIAN ARMY

TELEPHONE

Ext Exam 71

In reply quote

R445-2-2

ADDRESS

Hq 1 ATF
VUNG TAU

7 Dec 71

Hq AFV

VIETNAMESE HONOURS AND AWARDS

1. Enclosed is a certificate of authorisation, number 247/ST/MD, from the Ministry of Ethnic Minority for the award of the Ethnic Minority Development Citation and Medal to the following:

a. Ethnic Minority Development Medal 1st Class

Lt Col	L.A.	Wright	- 1 Aust CA Unit
Capt	J.S.	Seymour	- 1 Aust CA Unit
Capt	B.D.	Warren	- 1 Aust CA Unit
Lt	J.T.	Holland	- 1 Aust CA Unit

b. Ethnic Minority Development Medal 2nd Class

Capt		Sutton	- C Sqn 1 Armd Regt
WO2	P.	Tanzer	- 1 Aust CA Unit
Pte	R.C.	Woods	- 1 Aust CA Unit
Pte	G.A.	Mehir	- 1 Aust CA Unit

2. The Ethnic Minority Development Medals were presented to the above listed recipients on 20 Oct 71. It is requested that receipt of the medal by the respective members be recorded on the members files at CARO and MS.

3. Also enclosed are certificates and medals for the [illegible]

AUSTRALIAN ARMY

TELEPHONE

Ext Enna 71

In reply quote

R445-2-2

ADDRESS

HQ 1 ATF
VUNG TAU

7 Dec 71

HQ AFV

VIETNAMESE HONOURS AND AWARDS

1. Enclosed is a certificate of authorisation, number 247/SF/ND, from the Ministry of Ethnic Minority for the award of the Ethnic Minority Development Citation and Medal to the following:

a. Ethnic Minority Development Medal 1st Class

Lt Col	L.A.	Wright	- 1 Aust CA Unit
Capt	J.S.	Seymour	- 1 Aust CA Unit
Capt	R.D.	Warren	- 1 Aust CA Unit
Lt	J.T.	Holland	- 1 Aust CA Unit

b. Ethnic Minority Development Medal 2nd Class

Capt		Sutton	- C Sqn 1 Armd Regt
WO2	P.	Tanzer	- 1 Aust CA Unit
Pte	R.C.	Woods	- 1 Aust CA Unit
Pte	G.A.	Mehir	- 1 Aust CA Unit

Held

2. The Ethnic Minority Development Medals were presented to the above listed recipients on 20 Oct 71. It is requested that receipt of the medal by the respective members be recorded on the members files at CARO and MS.

3. Also enclosed are certificates and medals for the Technical Services Medal for the following:

a.	Lt Col	L.A. Wright	- 1 Aust CA Unit (member already has medal)
b.	Lt Col	J.M. Hutcheson, MC	- HQ AFV
c.	Maj	J.M. Sanderson	- 17 Const Sqn
d.	Capt	J.V. Komarowski	- 1 Aust CA Unit

Held

4. It is requested that the certificates and medals be forwarded to the members concerned and that their receipt be officially recorded.

...../5.

5. A Certificate of Commendation from the Province Chief, Phuoc Tuy Province, for Lt Col L.A. Wright is also enclosed. It is requested that this Certificate be forwarded to the member and its receipt officially recorded.

6. Prior to their RTA, the following members of 1 ATF were presented with the medals, citations and certificates for the awards shown; it is requested that their receipt be officially recorded:

a. Brig B.A. McDonald, OBE, MC - National Order Fifth Class Cross of Gallantry with Palm

b. Col D.D. Weir, MBE - Army Distinguished Service Medal, 2nd Class.

Notify

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Ethnic Minority Development Authorisation.
2. Technical Services Medal Certificates (4).
3. Technical Services Medal (3).
4. Certificate of Commendation.

AUSTRALIAN ARMY

TELEPHONE
Ext Hmn 71

In reply quote
R445-2-2

ADDRESS
HQ 1 ATF
VUNG TAU

10 Jan 72

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals received for the following approved Vietnamese awards:

a. Armed Forces Honour Medal - First Class

335177	Maj C.C.M. Peters	- HQ 1 ATF
235017	Maj G.J. Fitzgerald	- 1 Aust CA Unit

b. Armed Forces Honour Medal - Second Class

5717228	Gnr R.J. Stewart	- 12 Fd Regt
43056	Cpl B.G. Giles	- 17 Const Sqn
618820	Cpl A.M. Dawes	- 104 Sig Sqn
89454	Cpl P. Rowse	- 8 Fd Amb

c. Staff Service Medal - First Class

3112358	Lt J. Boddinar	- A Sqn 3 Cav Regt

d. Technical Service Medal

550220	Capt E. Tomczak	- 1 Fd Sqn

held

2. It is requested that the receipts of these awards be noted on the members' files and that the medals, citations and certificates be forwarded to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Certificates (8).
2. Citations (8).
3. Medals (8).

AUSTRALIAN MILITARY FORCES

IN REPLY PLEASE QUOTE
R445-2-2

Citations held!

HEADQUARTERS
1ST AUSTRALIAN TASK FORCE
VIETNAM

17 Jan 72

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals received for the following approved Vietnamese awards:

a. Civil Actions Medal, 1st Class

Maj W. Murray	-	HQ 1 ATF
Capt J. Laxton	-	HQ 1 ATF

b. Certificate of Outstanding Achievement

Maj R.J. Ferrier	-	HQ 1 ATF
Maj P.J. Pearson	-	12 Fd Regt
Lt J.W. Pritchard	-	1 Fd Sqn
Maj E.H. Stevenson	-	4 RAR/NZ
Cpl C. Rata	-	4 RAR/NZ (Note: NZ Member)
Cpl K.W. Ruru	-	4 RAR/NZ (Note: NZ Member)
SSgt K.B. Polkinghorne	-	161 (Indep) Recce Flt
Sgt A.R. Turl	-	161 (Indep) Recce Flt
Sgt N.J. Cullen	-	8 Fd Amb
Capt A.W. White	-	1 Aust CA Unit
Cpl J.J. Fahy	-	1 Aust CA Unit

2. It is requested that the receipt of these awards be noted on the respective members' files and that the medals, certificates and citations be forwarded to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosure:
1. Citations (8).
2. Certificates (13).
3. Medals (2).

EMU 71

Headquarters
1st Australian Task Force
VUNG TAU

27 Dec 71

R445/2/2

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates and citations for the Vietnamese Armed Forces Honour Medal - First Class awarded to Maj J.H. Symington and Capt R.J. Anderson of AFV Pre Unit.

2. The medals were presented to the members on 1 Dec 71 at the Quan Canh School, Vung Tau.

(M.C. FRANKLIN)
Maj
For A Cond 1 ATF

Enclosures: 1. Certificates and Translations (2)

2. Citations and Translations (2)

R445-2-2

HQ 1 ATF
VUNG TAU

24 Jan 72

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals for the following approved Vietnamese awards:-

a. Cross of Gallantry with Silver Star

Capt	I.M. Yarbury	- 12 Fd Regt
Maj	R.E. Boxall	- 4 RAR/NZ
Maj	R.R. Hogarth	- 4 RAR/NZ
Maj	B.R.H. Monks	- 4 RAR/NZ (NZ Member)
Cpl	P.R. Mermer	- 4 RAR/NZ

b. Cross of Gallantry with Bronze Star

Bdr	P. Martin	- 12 Fd Regt
2Lt	D.N. McDaniel	- 4 RAR/NZ
Cpl	A.M. Lee	- 4 RAR/NZ (NZ member)

2. Also enclosed, with translations, are copies of the certificates and citations which were presented separately to the following members:

a. Cross of Gallantry with Palm

LtCol J.C. Hughes, MC - 4 RAR/NZ

b. Civil Actions Medal, 1st Class

Maj H.C. Franklin - HQ 1 ATF

3. It is requested that receipt of these awards be noted on the respective members' files and that the medals, certificates and citations be forwarded to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Certificates (8).
2. Copies of Certificates (2).
3. Citations (10).
4. Medals (8).

Emu 71

HQ 1 ATF
VUNG TAU
10 Jan 72

R445-2-2

HQ AFV

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals received for the following approved Vietnamese awards:

a. Armed Forces Honour Medal - First Class

Maj C.C.M. Peters	- HQ 1 ATF
Maj G.J. Fitzgerald	- 1 Aust CA Unit

b. Armed Forces Honour Medal - Second Class

Gnr R.J. Stewart	- 12 Fd Regt
Cpl B.G. Giles	- 17 Const Sqn
Cpl A.M. Dawes	- 104 Sig Sqn
Cpl P. Rowse	- 8 Fd Amb

c. Staff Service Medal - First Class

Lt J. Boddinar	- A Sqn 3 Cav Regt

d. Technical Service Medal

Capt E. Tomczak	- 1 Fd Sqn

2. It is requested that the receipts of these awards be noted on the members' files and that the medals, citations and certificates be forwarded to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Certificates (8).
2. Citations (8).
3. Medals (8).

B445-2-2

9 Nov 71

HQ AFV (2)

FOREIGN AWARDS - VIETNAMESE

1. Enclosed, with translations, are certificates, citations and medals received for the following approved Vietnamese awards:

a. Cross of Gallantry - Silver Star

2Lt Farrant	- C Sqn 1 Armd Regt
Cpl Desfontaines	- 3 RAR
Cpl Smith	- 2 SAS Sqn

b. Cross of Gallantry - Bronze Star

2Lt Hind	- C Sqn 1 Armd Regt
Sgt Hamuszewics	- A Sqn 3 Cav Regt
Lcpl Walker	- 3 RAR
Pte Charlton	- 3 RAR
Cpl Blacker	- 2 SAS Sqn

c. Commendation Certificate

Lt Cranford	- 3 RAR

2. Also enclosed are copies of photos taken on the occasion of the presentation of the awards to Sgt Hamuszewics and Cpl Blacker.

3. It is requested that the receipt of these awards be noted on the respective members files at AHQ (MS) and CARO and that the photos, certificates, citations and medals be forwarded to the members concerned.

...../4.

4. Please acknowledge receipt of the enclosures on the second copy of this letter and return to HQ 1 ATF.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Medals (8).
2. Certificates and Citations (9).
3. Photos (4).

Emu 71

HQ 1 ATF
VUNG TAU

7 Dec 71

R445-2-2

HQ AFV

VIETNAMESE HONOURS AND AWARDS

1. Enclosed is a certificate of authorisation, number 247/ST/ND, from the Ministry of Ethnic Minority for the award of the Ethnic Minority Development Citation and Medal to the following:

a. Ethnic Minority Development Medal 1st Class

Lt Col	L.A.	Wright	- 1 Aust CA Unit
Capt	J.S.	Seymour	- 1 Aust CA Unit
Capt	R.D.	Warren	- 1 Aust CA Unit
Lt	J.T.	Holland	- 1 Aust CA Unit

b. Ethnic Minority Development Medal 2nd Class

Capt		Sutton	- C Sqn 1 Armd Regt
WO2	P.	Tanzer	- 1 Aust CA Unit
Pte	R.C.	Woods	- 1 Aust CA Unit
Pte	G.A.	Hehir	- 1 Aust CA Unit

2. The Ethnic Minority Development Medals were presented to the above listed recipients on 20 Oct 71. It is requested that receipt of the medal by the respective members be recorded on the members files at CARO and MS.

3. Also enclosed are certificates and medals for the Technical Services Medal for the following:

a. Lt Col L.A. Wright - 1 Aust CA Unit (member already has medal)

b. Lt Col J.M. Hutcheson, MC - HQ AFV

c. Maj J.M. Sanderson - 17 Const Sqn

d. Capt J.V. Komarowski - 1 Aust CA Unit

4. It is requested that the certificates and medals be forwarded to the members concerned and that their receipt be officially recorded.

...../5.

5. A Certificate of Commendation from the Province Chief, Phuoc Tuy Province, for Lt Col L.A. Wright is also enclosed. It is requested that this Certificate be forwarded to the member and its receipt officially recorded.

6. Prior to their RTA, the following members of 1 ATF were presented with the medals, citations and certificates for the awards shown; it is requested that their receipt be officially recorded:

a. Brig B.A. McDonald, OBE, MC - National Order Fifth Class Cross of Gallantry with Palm

b. Col D.D. Weir, MBE - Army Distinguished Service Medal, 2nd Class.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For A Comd 1 ATF

Enclosures:
1. Ethnic Minority Development Authorisation.
2. Technical Services Medal Certificates (4).
3. Technical Services Medal (3).
4. Certificate of Commendation.

MESSAGE FORM

ROUTINE ROUTINE 070645Z DEC 71

9 DEC 1971

FROM: HQ 1 ATF UNCLAS

TO : LIST A (LESS SERIALS 55, 57, 58, 65, 66)
LIST C A 1684

INFO: AUSTFORCE VIETNAM

HQ AFV REGISTRY
SCA
R445 | 3 | 2
FOLIO

VIETNAMESE AWARDS . ON 1 ATF FAREWELL PARADE 1 DEC 71 CMM THOSE MEMBERS OF 1 ATF STILL IN SVN AND WHO HAD BEEN AWARDED VIETNAMESE AWARDS WERE PRESENTED WITH THEIR MEDALS . UNFORTUNATELY ONLY FEW MEMBERS WERE PRESENT BUT SO THAT ALL RANKS WILL BE AWARE OF RECIPIENTS OF VIETNAMESE AWARDS CMM FOLLOWING IS LIST OF APPROVED RECIPIENTS TO DATE CLN

ALPHA . NATIONAL ORDER FIFTH CLASS . BRIG . MCDONALD CMM HQ 1 ATF .

BRAVO . ARMY DISTINGUISHED SERVICE MEDAL 2ND CLASS . COL WEIR CMM HQ 1 ATF .

CHARLIE . CROSS OF GALLANTRY WITH PALM . BRIG MCDONALD CMM HQ 1 ATF
LT COL SCOTT CMM 3 RAR
LT COL HUGHES CMM 4 RAR/NZ .

DELTA . CROSS OF GALLANTRY WITH SILVER STAR . 2LT FARRANT CMM C SQN 1 ARMD REGT
CAPT YERBURY CMM 12 FD REGT
CPL DESFONTAINES CMM 3 RAR
MAJ BOXALL CMM 4 RAR/NZ
MAJ HOGARTH CMM 4 RAR/NZ
MAJ MONKS CMM 4 RAR/NZ
CPL MENNER CMM 4 RAR/NZ
CPL SMITH CMM 2 SAS SQN

ECHO . CROSS OF GALLANTRY WITH BRONZE STAR . 2LT HIND CMM C SQN 1 ARMD REGT
SGT HANUSZEWICZ CMM C SQN 1 ARMD REGT
BDR MARTIN CMM 12 FD REGT
LCPL WALKER CMM 3 RAR
PTE CHARLTON CMM 3 RAR
2LT MCDANIEL CMM 4 RAR/NZ
CPL LEE CMM 4 RAR/NZ
CPL BLACKER CMM 2 SAS SQN.

FOXTROT . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1ST CLASS . MAJ PETERS CMM HQ 1 ATF
MAJ FITZGERALD CMM 1 AUST CA UNIT
MAJ BAKER CMM 1 AUST CA UNIT .

GOLF . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2ND CLASS . GNR STEWART CMM 12 FD REGT
CPL GILES CMM 17 CONST SQN
CPL DAWES CMM 104 SIG SQN
CPL ROWSE CMM 8 FD AMB

HOTEL . TECHNICAL SERVICES MEDAL . CAPT TOMCZAK CMM 1 FD SQN
MAJ SANDERSON CMM 17 CONST SQN
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT KOMAROWSKI CMM 1 AUST CA UNIT

INDIA . STAFF SERVICES MEDAL . LT BODDINAR CMM A SQN 3 CAV REGT

JULIET . CIVIC ACTION MEDAL 1ST CLASS . MAJ D SMITH CMM HQ 1 ATF
CHAP COSIER CMM HQ 1 ATF
CHAP TRUMP CMM 12 FD REGT
CHAP SWITZER CMM 4 RAR/NZ
CHAP CARDE CMM 4 RAR/NZ
MAJ VERCOE CMM 8 FD AMB
2LT MORRISON CMM 1 PSYOPS UNIT
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT

KILO . CIVIC ACTION MEDAL 2ND CLASS . WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
CPL APPLEBY CMM 1 AUST CA UNIT
LCPL WALSH CMM 1 AUST CA UNIT

LIMA . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 1ST CLASS .
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT SEYMOUR CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT WARREN CMM 1 AUST CA UNIT
LT HOLLAND CMM 1 AUST CA UNIT

MIKE . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 2ND CLASS .
CAPT SUTTON CMM C SQN 1 ARMD REGT
WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
PTE WOODS CMM 1 AUST CA UNIT
PTE HEHIR CMM 1 AUST CA UNIT

NOVEMBER . COMMENDATION CERTIFICATES . MAJ FERRIER CMM HQ 1 ATF
MAJ PEARSON CMM 12 FD REGT
LT PRITCHARD CMM 1 FD SQN
LT CRAWFORD CMM 3 RAR
MAJ STEVENSON CMM 4 RAR/NZ
CPL RATA CMM 4 RAR/NZ
CPL RUHI CMM 4 RAR/NZ
SSGT POLKINGHORNE CMM 161 RECCE FLT

SGT TURL CMM 161 RECCE FLT
SGT CULLEN CMM 8 FD AMB
CAPT WHITE CMM 1 AUST CA UNIT
CPL FAHY CMM 1 AUST CA UNIT

PAGE THREE OF THREE PAGES NO FRANKLIN DAAG EMU 71
R445-2-2

MAJ

R - Record Action Completed.
X - Recorded in Alphabetical Register.

MESSAGE FORM

ROUTINE ROUTINE 070645Z DEC 71

FROM: HQ 1 ATF UNCLAS

TO : LIST A (LESS SERIALS 55, 57, 58, 65. 66)
LIST C A 1684

INFO: AUSTFORCE VIETNAM

VIETNAMESE AWARDS . ON 1 ATF FAREWELL PARADE 1 DEC 71 CMM THOSE MEMBERS OF 1 ATF STILL IN SVN AND WHO HAD BEEN AWARDED VIETNAMESE AWARDS WERE PRESENTED WITH THEIR MEDALS . UNFORTUNATELY ONLY FEW MEMBERS WERE PRESENT BUT SO THAT ALL RANKS WILL BE AWARE OF RECIPIENTS OF VIETNAMESE AWARDS CMM FOLLOWING IS LIST OF APPROVED RECIPIENTS TO DATE CLN

ALPHA . NATIONAL ORDER FIFTH CLASS . BRIG X MCDONALD CMM HQ 1 ATF .
BRAVO . ARMY DISTINGUISHED SERVICE MEDAL 2ND CLASS . X COL WEIR CMM HQ 1 ATF .
CHARLIE . CROSS OF GALLANTRY WITH PALM X BRIG MCDONALD CMM HQ 1 ATF
X LT COL SCOTT CMM 3 RAR
R X LT COL HUGHES CMM 4 RAR/NZ .
DELTA . CROSS OF GALLANTRY WITH SILVER STAR X R 2LT FARRANT CMM C SQN 1 ARMD REGT ✓ 9 NOV
X CAPT YERBURY CMM 12 FD REGT
X R CPL DESFONTAINES CMM 3 RAR ✓ 9
X MAJ BOXALL CMM 4 RAR/NZ
X MAJ HOGARTH CMM 4 RAR/NZ
X MAJ MONKS CMM 4 RAR/NZ
X CPL MENNER CMM 4 RAR/NZ
X R CPL SMITH CMM 2 SAS SQN ✓ 9
ECHO . CROSS OF GALLANTRY WITH BRONZE STAR X R 2LT HIND CMM C SQN 1 ARMD REGT ✓ 9
X R SGT HANUSZEWICZ CMM C SQN 1 ARMD REGT ✓ 9
X BDR MARTIN CMM 12 FD REGT
R LCPL WALKER CMM 3 RAR ✓ 9
X R PTE CHARLTON CMM 3 RAR ✓ 9
X 2LT MCDANIEL CMM 4 RAR/NZ
X CPL LEE CMM 4 RAR/NZ
X R CPL BLACKER CMM 2 SAS SQN. ✓ 9
FOXTROT . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1ST CLASS X MAJ PETERS CMM HQ 1 ATF ✓
X MAJ FITZGERALD CMM 1 AUST CA UNIT ✓
X MAJ BAKER CMM 1 AUST CA UNIT . .

GOLF . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2ND CLASS . GNR STEWART CMM 12 FD REGT ✓
CPL GILES CMM 17 CONST SQN ✓
CPL DAWES CMM 104 SIG SQN ✓
CPL ROWSE CMM 8 FD AMB ✓

HOTEL . TECHNICAL SERVICES MEDAL CAPT TOMCZAK CMM 1 FD SQN ✓ Gustafson ?
1st cl. MAJ SANDERSON CMM 17 CONST SQN ✓ 7C
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT ✓ 7C —
CAPT KOMAROWSKI CMM 1 AUST CA UNIT ✓ 7C

INDIA . STAFF SERVICES MEDAL . LT BODDINAR CMM A SQN 3 CAV REGT ✓

JULIET . CIVIC ACTION MEDAL 1ST CLASS . MAJ D SMITH CMM HQ 1 ATF
CHAP COSIER CMM HQ 1 ATF
CHAP TRUMP CMM 12 FD REGT
CHAP SWITZER CMM 4 RAR/NZ
CHAP CARDE CMM 4 RAR/NZ
MAJ VERCOE CMM 8 FD AMB —
2LT MORRISON CMM 1 PSYOPS UNIT
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT —

KILO . CIVIC ACTION MEDAL 2ND CLASS . WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
CPL APPLEBY CMM 1 AUST CA UNIT
LCPL WALSH CMM 1 AUST CA UNIT —

LIMA . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 1ST CLASS .
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT 7 Dec —
CAPT SEYMOUR CMM 1 AUST CA UNIT 7 Dec
CAPT WARREN CMM 1 AUST CA UNIT 7 —
LT HOLLAND CMM 1 AUST CA UNIT 7

MIKE . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 2ND CLASS .
CAPT SUTTON CMM C SQN 1 ARMD REGT 7
WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT 7
PTE WOODS CMM 1 AUST CA UNIT 7 —
PTE HEHIR CMM 1 AUST CA UNIT 7

NOVEMBER . COMMENDATION CERTIFICATES MAJ FERRIER CMM HQ 1 ATF
MAJ PEARSON CMM 12 FD REGT
LT PRITCHARD CMM 1 FD SQN
R LT CRAWFORD CMM 3 RAR ✓ 9 Nov
MAJ STEVENSON CMM 4 RAR/NZ
CPL RATA CMM 4 RAR/NZ
CPL RUHM CMM 4 RAR/NZ
SSGT POLKINGHORNE CMM 161 RECCE FLT

SGT TURL CMM 161 RECCE FLT

SGT CULLEN CMM 8 FD AMB

CAPT WHITE CMM 1 AUST CA UNIT

CPL FAHY CMM 1 AUST CA UNIT

PAGE THREE OF THREE PAGES NO FRANKLIN DAAG EMU 71

R445-2-2

MAJ

MESSAGE FORM

ROUTINE ROUTINE 070645Z DEC 71

FROM: HQ 1 ATF UNCLAS

TO : LIST A (LESS SERIALS 55, 57, 58, 65. 66)
LIST C A 1684

INFO: AUSTFORCE VIETNAM

VIETNAMESE AWARDS . ON 1 ATF FAREWELL PARADE 1 DEC 71 CMM THOSE MEMBERS OF 1 ATF STILL IN SVN AND WHO HAD BEEN AWARDED VIETNAMESE AWARDS WERE PRESENTED WITH THEIR MEDALS . UNFORTUNATELY ONLY FEW MEMBERS WERE PRESENT BUT SO THAT ALL RANKS WILL BE AWARE OF RECIPIENTS OF VIETNAMESE AWARDS CMM FOLLOWING IS LIST OF APPROVED RECIPIENTS TO DATE CLN

ALPHA . NATIONAL ORDER FIFTH CLASS . BRIG [redacted] . MCDONALD CMM HQ 1 ATF .

BRAVO . ARMY DISTINGUISHED SERVICE MEDAL 2ND CLASS . COL WEIR CMM HQ 1 ATF .

CHARLIE . CROSS OF GALLANTRY WITH PALM . BRIG MCDONALD CMM HQ 1 ATF
LT COL SCOTT CMM 3 RAR
LT COL HUGHES CMM 4 RAR/NZ .

DELTA . CROSS OF GALLANTRY WITH SILVER STAR . 2LT FARRANT CMM C SQN 1 ARMD REGT
CAPT YERBURY CMM 12 FD REGT
CPL DESFONTAINES CMM 3 RAR
MAJ BOXALL CMM 4 RAR/NZ
MAJ HOGARTH CMM 4 RAR/NZ
MAJ MONKS CMM 4 RAR/NZ
CPL MENNER CMM 4 RAR/NZ
CPL SMITH CMM 2 SAS SQN

ECHO . CROSS OF GALLANTRY WITH BRONZE STAR . 2LT HIND CMM C SQN 1 ARMD REGT
SGT HANUSZEWICZ CMM C SQN 1 ARMD REGT
BDR MARTIN CMM 12 FD REGT
LCPL WALKER CMM 3 RAR
PTE CHARLTON CMM 3 RAR
2LT MCDANIEL CMM 4 RAR/NZ
CPL LEE CMM 4 RAR/NZ
CPL BLACKER CMM 2 SAS SQN.

FOXTROT . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1ST CLASS . MAJ PETERS CMM HQ 1 ATF
MAJ FITZGERALD CMM 1 AUST CA UNIT
MAJ BAKER CMM 1 AUST CA UNIT .

GOLF . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2ND CLASS . GNR STEWART CMM 12 FD REGT
CPL GILES CMM 17 CONST SQN
CPL DAWES CMM 104 SIG SQN
CPL ROWSE CMM 8 FD AMB

HOTEL . TECHNICAL SERVICES MEDAL . CAPT TOMCZAK CMM 1 FD SQN
MAJ SANDERSON CMM 17 CONST SQN
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT KOMAROWSKI CMM 1 AUST CA UNIT

INDIA . STAFF SERVICES MEDAL . LT BODDINAR CMM A SQN 3 CAV REGT

JULIET . CIVIC ACTION MEDAL 1ST CLASS . MAJ D SMITH CMM HQ 1 ATF
CHAP COSIER CMM HQ 1 ATF
CHAP TRUMP CMM 12 FD REGT
CHAP SWITZER CMM 4 RAR/NZ
CHAP CARDE CMM 4 RAR/NZ
MAJ VERCOE CMM 8 FD AMB
2LT MORRISON CMM 1 PSYOPS UNIT
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT

KILO . CIVIC ACTION MEDAL 2ND CLASS . WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
CPL APPLEBY CMM 1 AUST CA UNIT
LCPL WALSH CMM 1 AUST CA UNIT

LIMA . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 1ST CLASS .
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT SEYMOUR CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT WARREN CMM 1 AUST CA UNIT
LT HOLLAND CMM 1 AUST CA UNIT

MIKE . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 2ND CLASS .
CAPT SUTTON CMM C SQN 1 ARMD REGT
WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
PTE WOODS CMM 1 AUST CA UNIT
PTE HEHIR CMM 1 AUST CA UNIT

NOVEMBER . COMMENDATION CERTIFICATES . MAJ FERRIER CMM HQ 1 ATF
MAJ PEARSON CMM 12 FD REGT
LT PRITCHARD CMM 1 FD SQN
LT CRAWFORD CMM 3 RAR
MAJ STEVENSON CMM 4 RAR/NZ
CPL RATA CMM 4 RAR/NZ
CPL RUHI CMM 4 RAR/NZ
SSGT POLKINGHORNE CMM 161 RECCE FLT

SGT TURL CMM 161 RECCE FLT
SGT CULLEN CMM 8 FD AMB
CAPT WHITE CMM 1 AUST CA UNIT
CPL FAHY CMM 1 AUST CA UNIT

PAGE THREE OF THREE PAGES NO FRANKLIN DAAG EMU 71
R445-2-2

MAJ

MESSAGE FORM

ROUTINE ROUTINE 070645Z DEC 71

FROM: HQ 1 ATF UNCLAS

TO : LIST A (LESS SERIALS 55, 57, 58, 65. 66)
LIST C A 1684

INFO: AUSTFORCE VIETNAM

VIETNAMESE AWARDS . ON 1 ATF FAREWELL PARADE 1 DEC 71 CMM THOSE MEMBERS OF 1 ATF STILL IN SVN AND WHO HAD BEEN AWARDED VIETNAMESE AWARDS WERE PRESENTED WITH THEIR MEDALS . UNFORTUNATELY ONLY FEW MEMBERS WERE PRESENT BUT SO THAT ALL RANKS WILL BE AWARE OF RECIPIENTS OF VIETNAMESE AWARDS CMM FOLLOWING IS LIST OF APPROVED RECIPIENTS TO DATE CLN

ALPHA . NATIONAL ORDER FIFTH CLASS . BRIG [illegible] . MCDONALD CMM HQ 1 ATF .

BRAVO . ARMY DISTINGUISHED SERVICE MEDAL 2ND CLASS . COL WEIR CMM HQ 1 ATF .

CHARLIE . CROSS OF GALLANTRY WITH PALM . BRIG MCDONALD CMM HQ 1 ATF
LT COL SCOTT CMM 3 RAR
LT COL HUGHES CMM 4 RAR/NZ .

DELTA . CROSS OF GALLANTRY WITH SILVER STAR . 2LT FARRANT CMM C SQN 1 ARMD REGT
CAPT YERBURY CMM 12 FD REGT
CPL DESFONTAINES CMM 3 RAR
MAJ BOXALL CMM 4 RAR/NZ
MAJ HOGARTH CMM 4 RAR/NZ
MAJ MONKS CMM 4 RAR/NZ
CPL MENNER CMM 4 RAR/NZ
CPL SMITH CMM 2 SAS SQN

ECHO . CROSS OF GALLANTRY WITH BRONZE STAR . 2LT HIND CMM C SQN 1 ARMD REGT
SGT HANUSZEWICZ CMM C SQN 1 ARMD REGT
BDR MARTIN CMM 12 FD REGT
LCPL WALKER CMM 3 RAR
PTE CHARLTON CMM 3 RAR
2LT MCDANIEL CMM 4 RAR/NZ
CPL LEE CMM 4 RAR/NZ
CPL BLACKER CMM 2 SAS SQN.

FOXTROT . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1ST CLASS . MAJ PETERS CMM HQ 1 ATF
MAJ FITZGERALD CMM 1 AUST CA UNIT
MAJ BAKER CMM 1 AUST CA UNIT .

GOLF . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2ND CLASS . GNR STEWART CMM 12 FD REGT
CPL GILES CMM 17 CONST SQN
CPL DAWES CMM 104 SIG SQN
CPL ROWSE CMM 8 FD AMB

HOTEL . TECHNICAL SERVICES MEDAL . CAPT TOMCZAK CMM 1 FD SQN
MAJ SANDERSON CMM 17 CONST SQN
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT KOMAROWSKI CMM 1 AUST CA UNIT

INDIA . STAFF SERVICES MEDAL . LT BODDINAR CMM A SQN 3 CAV REGT

JULIET . CIVIC ACTION MEDAL 1ST CLASS . MAJ D SMITH CMM HQ 1 ATF
CHAP COSIER CMM HQ 1 ATF
CHAP TRUMP CMM 12 FD REGT
CHAP SWITZER CMM 4 RAR/NZ
CHAP CARDE CMM 4 RAR/NZ
MAJ VERCOE CMM 8 FD AMB
2LT MORRISON CMM 1 PSYOPS UNIT
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT

KILO . CIVIC ACTION MEDAL 2ND CLASS . WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
CPL APPLEBY CMM 1 AUST CA UNIT
LCPL WALSH CMM 1 AUST CA UNIT

LIMA . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 1ST CLASS .
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT SEYMOUR CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT WARREN CMM 1 AUST CA UNIT
LT HOLLAND CMM 1 AUST CA UNIT

MIKE . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 2ND CLASS .
CAPT SUTTON CMM C SQN 1 ARMD REGT
WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
PTE WOODS CMM 1 AUST CA UNIT
PTE HEHIR CMM 1 AUST CA UNIT

NOVEMBER . COMMENDATION CERTIFICATES . MAJ FERRIER CMM HQ 1 ATF
MAJ PEARSON CMM 12 FD REGT
LT PRITCHARD CMM 1 FD SQN
LT CRAWFORD CMM 3 RAR
MAJ STEVENSON CMM 4 RAR/NZ
CPL RATA CMM 4 RAR/NZ
CPL RURU CMM 4 RAR/NZ
SSGT POLKINGHORNE CMM 161 RECCE FLT

SGT TURL CMM 161 RECCE FLT
SGT CULLEN CMM 8 FD AMB
CAPT WHITE CMM 1 AUST CA UNIT
CPL FAHY CMM 1 AUST CA UNIT

PAGE THREE OF THREE PAGES NO FRANKLIN DAAG EMU 71
R445-2-2

MAJ

MESSAGE FORM

ROUTINE ROUTINE 070645Z DEC 71

FROM: HQ 1 ATF UNCLAS

TO : LIST A (LESS SERIALS 55, 57, 58, 65. 66)
LIST C A 1684

INFO: AUSTFORCE VIETNAM

VIETNAMESE AWARDS . ON 1 ATF FAREWELL PARADE 1 DEC 71 CMM THOSE MEMBERS OF 1 ATF STILL IN SVN AND WHO HAD BEEN AWARDED VIETNAMESE AWARDS WERE PRESENTED WITH THEIR MEDALS . UNFORTUNATELY ONLY FEW MEMBERS WERE PRESENT BUT SO THAT ALL RANKS WILL BE AWARE OF RECIPIENTS OF VIETNAMESE AWARDS CMM FOLLOWING IS LIST OF APPROVED RECIPIENTS TO DATE CLN

ALPHA . NATIONAL ORDER FIFTH CLASS . BRIG [illegible] . MCDONALD CMM HQ 1 ATF .

BRAVO . ARMY DISTINGUISHED SERVICE MEDAL 2ND CLASS . COL WEIR CMM HQ 1 ATF .

CHARLIE . CROSS OF GALLANTRY WITH PALM . BRIG MCDONALD CMM HQ 1 ATF
LT COL SCOTT CMM 3 RAR
LT COL HUGHES CMM 4 RAR/NZ .

DELTA . CROSS OF GALLANTRY WITH SILVER STAR . 2LT FARRANT CMM C SQN 1 ARMD REGT
CAPT YERBURY CMM 12 FD REGT
CPL DESFONTAINES CMM 3 RAR
MAJ BOXALL CMM 4 RAR/NZ
MAJ HOGARTH CMM 4 RAR/NZ
MAJ MONKS CMM 4 RAR/NZ
CPL MENNER CMM 4 RAR/NZ
CPL SMITH CMM 2 SAS SQN

ECHO . CROSS OF GALLANTRY WITH BRONZE STAR . 2LT HIND CMM C SQN 1 ARMD REGT
SGT HANUSZEWICZ CMM C SQN 1 ARMD REGT
BDR MARTIN CMM 12 FD REGT
LCPL WALKER CMM 3 RAR
PTE CHARLTON CMM 3 RAR
2LT MCDANIEL CMM 4 RAR/NZ
CPL LEE CMM 4 RAR/NZ
CPL BLACKER CMM 2 SAS SQN.

FOXTROT . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1ST CLASS . MAJ PETERS CMM HQ 1 ATF
MAJ FITZGERALD CMM 1 AUST CA UNIT
MAJ BAKER CMM 1 AUST CA UNIT .

GOLF . ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2ND CLASS . GNR STEWART CMM 12 FD REGT
CPL GILES CMM 17 CONST SQN
CPL DAWES CMM 104 SIG SQN
CPL ROWSE CMM 8 FD AMB

HOTEL . TECHNICAL SERVICES MEDAL . CAPT TOMCZAK CMM 1 FD SQN
MAJ SANDERSON CMM 17 CONST SQN
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT KOMAROWSKI CMM 1 AUST CA UNIT

INDIA . STAFF SERVICES MEDAL . LT BODDINAR CMM A SQN 3 CAV REGT

JULIET . CIVIC ACTION MEDAL 1ST CLASS . MAJ D SMITH CMM HQ 1 ATF
CHAP COSIER CMM HQ 1 ATF
CHAP TRUMP CMM 12 FD REGT
CHAP SWITZER CMM 4 RAR/NZ
CHAP CARDE CMM 4 RAR/NZ
MAJ VERCOE CMM 8 FD AMB
2LT MORRISON CMM 1 PSYOPS UNIT
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT

KILO . CIVIC ACTION MEDAL 2ND CLASS . WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
CPL APPLEBY CMM 1 AUST CA UNIT
LCPL WALSH CMM 1 AUST CA UNIT

LIMA . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 1ST CLASS .
LT COL WRIGHT CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT SEYMOUR CMM 1 AUST CA UNIT
CAPT WARREN CMM 1 AUST CA UNIT
LT HOLLAND CMM 1 AUST CA UNIT

MIKE . ETHNIC MINORITY DEVELOPMENT MEDAL 2ND CLASS .
CAPT SUTTON CMM C SQN 1 ARMD REGT
WO2 TANZER CMM 1 AUST CA UNIT
PTE WOODS CMM 1 AUST CA UNIT
PTE HEHIR CMM 1 AUST CA UNIT

NOVEMBER . COMMENDATION CERTIFICATES . MAJ FERRIER CMM HQ 1 ATF
MAJ PEARSON CMM 12 FD REGT
LT PRITCHARD CMM 1 FD SQN
LT CRAWFORD CMM 3 RAR
MAJ STEVENSON CMM 4 RAR/NZ
CPL RATA CMM 4 RAR/NZ
CPL RUHU CMM 4 RAR/NZ
SSGT POLKINGHORNE CMM 161 RECCE FLT

SGT TURL CMM 161 RECCE FLT
SGT CULLEN CMM 8 FD AMB
CAPT WHITE CMM 1 AUST CA UNIT
CPL FAHY CMM 1 AUST CA UNIT

PAGE THREE OF THREE PAGES NO FRANKLIN DAAG EMU 71
R445-2-2

MAJ

✓ Certificates Received

ARUN Awards

20 Oct 71

Unit	Award	Submitted	Approved
HQ 1ATF	National Order Fifth class ✓ Cross of Gallantry with Palm ✓	Brig B.A. McDonald	YES ✓
	Any Distinguished Service Medal ✓	Col D.D. Weir	YES ✓
	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Maj CCM Peters	YES ✓
	✓	Maj R.J. Fenier	Commendation Certificate ✓
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Maj D.McY. Smith	YES ✓
	✓	Chap R. Cosier	YES ✓
A Sqn 3 Cav Regt	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Lt J. Boddinar	Staff Services Medal ✓
C Sqn 1 Armd Regt	Cross of Gallantry, Silver Star ✓	2 Lt Farrant	YES ✓
	" " " , Bronze Star ✓	2 Lt Hind	YES ✓
	✓	Sgt Hanuszewicz	YES ✓
12 Fd Regt	Cross of Gallantry, Silver Star ✓	Capt I.M. Yerburg	YES ✓
	" " " , Bronze Star ✓	Bdr P. Martin	YES ✓
	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Maj P.J. Pearson	Commendation Certificate ✓
	" " " " , 2nd Class ✓	Gnr R.J. Stewart	YES ✓
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Chap L.G. Trump	YES ✓
1 Fd Sqn	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Capt E. Tomczak	Technical Medal ✓
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Lt J.W. Pritchard	Commendation Certificate ✓
17 Const Sqn	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Maj J.M. Sanderson	Technical Medal
	" " " " , 2nd Class ✓	Cpl B.G. Giles	YES ✓
104 Sig Sqn	Armed Forces Honour Medal, 2nd Class ✓	Cpl A.M. Dawes	YES ✓
3 RAR	Cross of Gallantry, with Palm ✓	Lt Col F.P. Scott *	YES
	" " " , Silver Star ✓	Cpl E.L. Desfontaines	YES ✓
	" " " , Bronze Star ✓	L/Cpl N.R. Walker	YES ✓
	" " ✓	Pte J.W. Charlton	YES ✓
	Commendation Certificate ✓	Lt Crawford	YES ✓
4 RAR/NZ	Cross of Gallantry, with Palm ✓	Lt Col J.C. Hughes *	YES ✓
	" " " , Gold Star ✓	Maj R.E. Boscall	SILVER STAR ✓
	" " " , Silver Star ✓	Maj R.R. Hogarth	YES ✓
	✓	Maj B.R.H. Monks	YES ✓
	✓	Cpl P.R. Merner. Aust	YES ✓
	" " " , Bronze Star ✓	Cpl C. Ralā	Commendation Certificate ✓
	✓	Cpl K.W. Ruru	Commendation Certificate ✓
	✓	Cpl A.M. Lee NZ.	YES ✓
	✓	2 Lt D.N. McDaniel	YES ✓
	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Maj E.H. Stevenson	Commendation Certificate ✓
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Chap A. Switzer	YES ✓
	✓	Chap J.E. Carde	YES ✓

Unit	Award	Submitted	Approved
2 SAS Sqn	Cross of Gallantry, Silver Star ✓	Cpl Smith	YES ✓
	, Bronze Star ✓	Cpl Blacker	YES ✓
161 (Indep) Recce Flt	Armed Forces Honour Medal, 2nd Class ✓	SSgt K.B. Polkinghorne	Commendation Certificate ✓
	✓	Sgt A.R. Turl	Commendation Certificate ✓
8 Fd Amb	Armed Forces Honour Medal, 2nd Class ✓	Sgt N.J. Cullen	Commendation Certificate ✓
	✓	Cpl P. Rowse	YES ✓
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Maj G.S. Vercoe	YES ✓
1 Psyops Unit	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	~~2~~Lt M.L. Morrison	YES ✓
1 Aust CA Unit	Armed Forces Honour Medal, 1st Class ✓	Maj G.J. Fitzgerald	YES ✓
	✓	Maj J Baker	YES
	Civic Action Honour Medal, 1st Class ✓	Lt Col L.A. Wright	YES ✓
	✓	Capt A.W. White	Commendation Certificate ✓
	, 2nd Class ✓	WO2 P. Tanzer	YES ✓
	✓	Cpl M.C. Appleby	YES ✓
	✓	Cpl J.J. Fahy	Commendation Certificate ✓
	✓	L/Cpl K.E. Walsh	YES ✓

SCA 20/7

TELEPHONE

AUSTRALIAN MILITARY FORCES

MILITARY BOARD

(ADJUTANT-GENERAL)

HQ AFV REGISTRY
Sas.
R445 | 3 | 2
FOLIO

Quote in Reply
445/R1/77

ARMY HEADQUARTERS
CANBERRA, ACT

31 Dec 71

AFV

17 JAN 1972

VIETNAMESE AWARDS TO AUSTRALIANS

1. The list of awards supplied by JGS has been checked against records held in this Office and the attached consolidated list prepared for your information and retention.

2. Those individuals listed by the Vietnamese but who can not be readily identified as Australians, are shown at Annex B.

3. It is suggested that AATTV records for the 1962-66 period may reveal details of awards not otherwise recorded but presented at Brigade and Regiment level.

For Action

for (J.F. WHITE)
Brig
MS

ANNEX A TO
AHQ 445/R1/77
OF 31 DEC 71

BẢO QUỐC HUÂN CHƯƠNG

THE NATIONAL ORDER OF THE REPUBLIC OF VIETNAM

41400	Major	P. BADCOE —	(KNIGHT)	
13097	Warrant Officer	K.G. CONWAY	(KNIGHT)	6/7/64
237	Major General	R.A. HAY	(OFFICER)	3/70
3210	Brigadier	W.G. HENDERSON	(KNIGHT)	16/1/71
72	Brigadier	R.L. HUGHES	(KNIGHT)	
18	Major General	A.L. MACDONALD	(OFFICER)	
3102	Colonel	F.P. SERONG	(KNIGHT)	10/64
3395	Lieutenant Colonel	J.J. SHELTON	(KNIGHT)	8/6/68
13	Major General	D. VINCENT	(OFFICER)	2/68
29890	Warrant Officer	K. WHEATLEY —	(KNIGHT)	

LỤC QUÂN HUÂN CHƯƠNG

ARMY DISTINGUISHED SERVICE ORDER 2ND CLASS

1200984	Lieutenant Colonel	R.F. GREGG	
3324	Colonel	A.B. STRETTON	7/4/70

ANH-DŨNG BỘI-TINH

CROSS OF GALLANTRY (WITH PALM)

41400	Major	P. BADCOE	
57005	Lieutenant Colonel	J.M. CHURCH	9/2/71
13097	Warrant Officer	K.G. CONWAY	8/7/64
57001	Lieutenant Colonel	R.A. GREY	20/2/71
3210	Brigadier	W.G. HENDERSON	16/1/71
72	Brigadier	R.L. HUGHES	
3395	Lieutenant Colonel	J.J. SHELTON	8/6/68
1122	Lieutenant Colonel	K.J. O'NEILL	

CROSS OF GALLANTRY (WITH GOLD STAR)

43169	Sergeant	J.K. ALEXANDER	20/4/71
36292	Warrant Officer	J.E. BARKER —	12/9/69
25627	Major	H.L. BELL	5/11/69
35646	Warrant Officer	S.A. BIRNIE	10/10/70
29598	Warrant Officer	T.H. BREAKWELL	9/7/70
29062	Major	J.A. BROWNE	8/3/71
2507	Lieutenant Colonel	I.R.W. BRUMFIELD	12/10/65
26344	Major	W.J. BRYDON	12/6/69
235089	Captain	J.J. BURROWS —	7/7/64
3483	Colonel	J.A. CLARK	22/12/70
216770	Corporal	B.G. CANTON	14/1/70
3975	Warrant Officer	G. CHINN	2/5/64
242633	Captain	R. CLARK	2/5/64

2./...

1731105	Lieutenant	B.D. DARR	4/71
217209	Captain	W.R. DEANE —	10/10/70
33306	Warrant Officer	R.E.J. DILLOW	19/6/67
217418	Second Lieutenant	P.N. GIBSON	20/4/71
253	Brigadier	S.C. GRAHAM	6/6/67
4720126	Private	A.R. HANDLEY	
3897	Warrant Officer	G.D. HARRIS	10/5/65
1202555	Corporal	G.F. HASSALL	14/2/71
1735350	Private	R.K. HAWKINS	20/4/71
57053	Major	P.M. JEFFERY	
38520	Sergeant	D.H. JUCKEL	
1731459	Lieutenant	P.J. LANDER	
16875	Sergeant	L.T. LINDSAY	
57015	Lieutenant Colonel	R.D.F. LLOYD	20/6/70
36695	Warrant Officer	A.C. MASSINGHAM	17/1/69
28916	Warrant Officer	R.I. OLIVER	1/12/70
14999	Warrant Officer	D.M. PALMER	10/10/70
37811	Major	M.C. PECK	
29893	Warrant Officer	R.H. PENMAN	
61808	Captain	T.J. PROPERJOHN	19/7/71
13527	Major	D. RANKINE	
2412487	Warrant Officer	A. ROBINSON	3/8/68
35803	Captain	I.C. TEAGUE —	20/5/65
29067	Major	G.P. WARLAND	20/2/71
14191	Warrant Officer	B.J. WALTERS —	10/10/70

CROSS OF GALLANTRY (WITH SILVER STAR)

210826	Warrant Officer	J.S. ALLAN	2/7/68
1731884	Second Lieutenant	R.J. ASHFIELD	22/6/71
41400	Major	P. BADCOE —	12/9/68
36292	Warrant Officer	J.E. BARKER	12/9/69
1972	Warrant Officer	R.W. CAIRNS	6/1/70
36587	Captain	B.J. CALIGARI	24/11/70
11947	Captain	D.H. CAMPBELL —	30/10/67
11947	Captain	D.H. CAMPBELL	19/3/68
311492	Warrant Officer	A.B. CLUTTERBUCK	12/10/70
27881	Major	C.S.B. CONNOR	24/5/70
14943	Warrant Officer	W.R. COPE	27/11/67
33609	Warrant Officer	C.W. CRAPPER	16/7/68
217209	Captain	W.R. DEANE	26/6/70
214603	Warrant Officer	D.W. EATHER	18/5/70
2137410	Warrant Officer	T.J. EGAN —	27/12/67
2137410	Warrant Officer	T.J. EGAN	11/4/68
43968	Corporal	T.D. ELLIOT	
52985	Warrant Officer	B.C. EMBERSON	1/6/68
24080	Corporal	M. EVANS	20/8/68
53789	Warrant Officer	K.W. FORDEN	8/6/70
6188	Warrant Officer	A.D. FRENCH	12/11/68
22862	Warrant Officer	K. GABRIEL	11/11/68
41335	Warrant Officer	R.G. HARRIS	6/9/65
31440	Warrant Officer	E.W. GASON	17/1/69

3./...

1982	Warrant Officer	J. GEEDRICK	19/8/68
1982	Warrant Officer	J. GEEDRICK	15/9/69
15221	Warrant Officer	R.K. GURNEY	12/9/69
41335	Warrant Officer	R.G. HARRIS	6/9/65
14969	Major	G.D. HOFFMAN	11/3/71
235117	Major	J.F. HUGHES	11/4/68
25348	Warrant Officer	A.K. HUNTER	20/8/68
1201661	Warrant Officer	W.T. JONES	15/5/70
13013	Warrant Officer	M. KELLY	7/1/69
12128	Warrant Officer	S.T. KENT	2/12/68
37725	Warrant Officer	G.H. KING	1/12/70
29822	Warrant Officer	R.M. KING	12/6/68
13973	Warrant Officer	C.F. KIOSKIE	30/11/68
2788031	Second Lieutenant	G. LINDSAY	20/2/71
55627	Corporal	G.J. LIVINGSTONE	
54386	Warrant Officer	B.G. LONG	9/8/71
27757	Warrant Officer	T.F. MALONE	26/11/68
34788	Warrant Officer	E.H. MARTIN	26/6/69
15951	Sergeant	B.R. MATTHEWS	
38877	Second Lieutenant	K. METCALF	20/2/71
4719816	Second Lieutenant	C.L. MITCHELL	
43089	Captain	A.J. MOGRIDGE	31/12/69
37738	Warrant Officer	B.F. McGRATH	9/8/71
27583	Warrant Officer	K.R. McDONALD	6/9/65
38124	Warrant Officer	J.F. McKENNER	28/8/70
2178342	Major	I.W. McQUIRE	19/7/71
17692	Warrant Officer	G.C. NEITZ	26/8/69
53045	Warrant Officer	W.A. NESBIT	22/6/71
34922	Warrant Officer	J.M. O'DONNELL	14/11/69
439150	Captain	L.M. OPIE	6/9/68
21406	Warrant Officer	E.B. OSTARA	25/3/68
14999	Warrant Officer	D.M. PALMER	18/5/70
13668	Captain	A.B. PETERSEN	9/8/65
13668	Captain	A.B. PETERSEN	11/3/71
243149	Warrant Officer	J.R. PEEL	19/7/71
1735070	Private	G.M. POLLARD	
335066	Major	I.G. PORTEOUS	14/1/69
860139	Warrant Officer	K.D. PRYDE	22/6/71
6852	Warrant Officer	R.A. PURTON	3/7/68
311106	Major	P.H.B. PRITCHARD	16/6/69
41580	Warrant Officer	R.E. ROBINSON	12/9/69
42683	Warrant Officer	M.G. RODGER	13/2/71
43585	Captain	D.J. ROWE	1/9/69
3111552	Captain	C.L. RULE	27/6/68
12464	Warrant Officer	A.S. SELVA	6/9/65
42267	Warrant Officer	J.I. SHAW	22/6/71
37893	Captain	W. SHEPPARD	15/5/70
61292	Warrant Officer	G.T. SMITH	8/2/69
42076	Warrant Officer	E.W. SNELLING	9/7/69
16111	Captain	C.F. SPENCER	4/8/69
32199	Warrant Officer	J.B. STAUNTON-LATIMER	12/10/70 31-11-70.
1480	Warrant Officer	D.C. TAYLOR	6/3/69
35803	Captain	I.C. TEAGUE	6/9/65
43155	Warrant Officer	P.W. TEAGUE	22/6/71
590	Lieutenant Colonel	M.T. TRIPP	11/4/68
16469	Warrant Officer	T. VAN BAKEL	12/8/68

4./...

16369	Lance Corporal	D.R. VENABLES	
235219	Major	G.F. WALKER	
14451	Warrant Officer	D.J. WALINER	6/9/65
16172	Staff Sergeant	R.J.H. WEST	
44829	Corporal	R.M.WESTON	
13468	Warrant Officer	D.E. WISE	11/4/68
61818	Warrant Officer	B.I. YOUNG	10/6/70

CROSS OF GALLANTRY (WITH BRONZE STAR)

34992	Warrant Officer	D.G. ANNETTE	22/2/67
2410267	Warrant Officer	A.J. BAXTER	5/11/68
19955	Warrant Officer	F.J. BEATTLE	1/12/70
28078	Warrant Officer	M. BRODZIAK	10/4/67
1972	Warrant Officer	R.W. CAIRNS	6/8/70
2410380	Warrant Officer	R.G. CARTER	17/1/69
27270	Warrant Officer	N.C. CAMM	6/9/65
2410380	Warrant Officer	R.G. CARTER	1/8/69
2410380	Warrant Officer	R.G. CARTER	21/11/68
311451	Major	M.P. CASEY	19/3/68
6353	Warrant Officer	J.F. CHALLENGER	9/10/67
235246	Captain	J.L. COGGAN	7/2/68
28559	Warrant Officer	S.E. COLLEY	10/4/69
28119	Warrant Officer	M.B. CRANSTON	18/5/68
213585	Warrant Officer	R.J. CURRAN	17/3/71
5411313	Corporal	J.J. DAVIS	15/5/68
28643	Warrant Officer	W.S. DICKEY	4/8/69
28643	Warrant Officer	W.S. DICKEY	19/7/71
14467	Warrant Officer	T.I. DOLAN	14/11/69
26497	Warrant Officer	R.E. DUMMETT	7/11/67
52772	Warrant Officer	W.A. EADE	25/8/67
13940	Warrant Officer	R.G. EVANS	
13928	Warrant Officer	A.H. FRANKS	3/9/70
54262	Warrant Officer	J.F. GHILOTTI	10/6/70
22862	Warrant Officer	K. GABRIEL	25/3/68
43056	Lance Corporal	B. GILES	12/6/67
4609	Warrant Officer	W. GROGAN	21/7/69
15221	Warrant Officer	R.K. GURNEY	17/6/70
214382	Warrant Officer	R.E. HEATHCOTE	8/9/70
5312	Warrant Officer	P.J. HESLIN	1/8/69
34515	Warrant Officer	D.G. HILL	14/12/68
213536	Captain	R.M.C. HINDE	15/12/68
219401	Private	H.J. HOLDEN	21/2/71
235162	Major	B.W. HOWARD	15/5/68
235213	Captain	A.J. HULL	4/12/69
61068	Major	H.W. IRWIN	15/5/68
27722	Warrant Officer	C.J. ISON	19/11/69
52586	Warrant Officer	G. JACKSON	14/4/66
29856	Warrant Officer	L. JACKSON	4/8/69
3166040	Warrant Officer	G.K. JOYCE	24/8/70
29945	Warrant Officer	L.A. KAPP	19/8/68
13163	Warrant Officer	C. KEALY	7/6/70
5716696	Private	P. KEILLY	20/2/71
36087	Sapper	D. McCALLUM	12/6/67

5./...

335123	Major	D.R. MILLIE	28/4/69
31967	Warrant Officer	E.J. MORRISON	10/7/69
313358	Corporal	J.E. McCABE	20/2/71
42374	Warrant Officer	C.N. McEVOY	17/7/68
14423	Warrant Officer	W.J. McINERNEY	13/2/71
216405	Major	M.T.J. NORRIS	6/3/69
36680	Warrant Officer	R. O'HARA	10/6/70
28916	Warrant Officer	R.I. OLIVER	18/5/68
21406	Warrant Officer	E.B. OSTARA —	8/1/65
21406	Warrant Officer	E.B. OSTARA	20/11/69
3797525	Private	D.J. PATTISON	14/2/71
12222	Warrant Officer	K. PAYNE —	14/8/69
4119	Warrant Officer	D.B. PHILLIPS	19/8/68
215692	Warrant Officer	M.J. POOLE	10/7/69
16230	Warrant Officer	D.T. POWELL	27-11-67 25/9/67
6852	Warrant Officer	R.A. PURTON —	17/7/68
25455	Warrant Officer	N.E. RICHARDSON —	9/6/65
2412487	Warrant Officer	A. ROBINSON	20/4/68
41580	Warrant Officer	R.E. ROBINSON	6/3/69
33887	Warrant Officer	S.D. ROSENBERG	6/9/69
26931	Major	D. ROTHWELL —	9/68
41451	Warrant Officer	K.J. ROWE	16/6/69
29701	Warrant Officer	B.L. SAXBY	10/5/69
54901	Sergeant	D.W. SCHEELE	1/9/69
17613	Corporal	B.R. SEELEY	11/3/71
1734702	Private	A.E.S. SHRAPNELL	
1410219	Warrant Officer	J. STEPHENS	24/5/70
311013	Warrant Officer	H.J.W. STUDDARD	6/3/69
13091	Warrant Officer	E.A. TAYLOR	10/6/70
48702	Private	M.B. TIMOTHY	
54702	Second Lieutenant	R.L. TINGLEY	15/5/68
213214	Warrant Officer	A.G. URQUHART	15/12/68
29156	Warrant Officer	M. VANDYKE	16/12/67
36664	Warrant Officer	R.B. WADE	6/9/65
44936	Private	T.A. WALLACE	11/3/71
120419	Corporal	K.M. WEIGHTMAN	20/2/71
28889	Warrant Officer	E.R. WADE	12/9/65
2411081	Warrant Officer	P.D. WILKES	10/9/68

DAN-DU BÔI-TINH

ARMED FORCES HONOUR MEDAL 1st CLASS

235083	Major	T.C. BANNISTER —	25/8/65
25627	Major	H.L. BELL	21/6/69
25761	Warrant Officer	L.N. BOOTES	25/2/70
61067	Captain	G.W. BOSCOE	25/2/68
2273	Brigadier	M. BRADBURY	16/4/69
35543	Warrant Officer	J. BRODERICK	4/10/67
28078	Warrant Officer	M. BRODZIAK	10/4/67
29062	Major	J.A. BROWNE	5/71 +1
57050	Major	R.S. BUCHAN	22/5/67
3482	Colonel	J.A. CLARK	22/12/70
335076	Major	A. CLUNIES-ROSS	23/10/70
33998	Major	G.C. CAMERON	13/8/68
42421	Warrant Officer	K.G. CHESTER	31/1/69
242633	Captain	R. CLARK	1/9/64

6./...

53023	Major	M.A. COUNT	5/71
235179	Captain	M.B. DARCY	31/7/67
33048	Major	J.J. DONOHOE	10/7/67
2137410	Warrant Officer	T.J. EGAN	3/8/68
52985	Warrant Officer	B.C. EMBERSON	8/10/68
51295	Warrant Officer	E. FAHY	2/12/68
54330	Warrant Officer	B. FEATHERSTONE	4/10/67
6188	Warrant Officer	A.D. FRENCH	3/8/68
43090	Captain	R.C. HAINES	28/10/70
215085	Major	A. HARKNESS	23/3/70
3897	Warrant Officer	G.D. HARRIS	22/2/67
32219	Warrant Officer	J.N. HARROWER	17/1/69
5240	Warrant Officer	R.J. HAYES	17/7/68
36394	Warrant Officer	D.F. HEENAN	8/6/70
54063	Warrant Officer	J. HEMERIK	27/12/67
34515	Warrant Officer	D.G. HILL	6/3/69
29543	Warrant Officer	M. JENSEN	25/11/69
213144	Captain	F.M. KUDNIG	2/12/68
14703	Captain	D.C. LEVER	5/12/70
23345	Warrant Officer	M.C. MACARTNEY	22/2/67
21038	Warrant Officer	J.H. MACARTNEY - 2nd class	28/1/70
27757	Warrant Officer	T.F. MALONE	4/8/69
54422	Captain	N. MASON-JONES	7/8/68
340147	Lieutenant Colonel	R.H. MEYER	4/1/68
335093	Major	M.J. MUSGRAVE	19/1/66
17692	Warrant Officer	G.C. NEITZ	2/12/68
1404	Captain	C.J.R. NORD	20/2/71
21406	Warrant Officer	E.B. OSTARA	17/7/68
335066	Major	I.G. PORTEOUS	6/3/69
33802	Major	A.R. ROBERTS	11/3/71
16111	Captain	C.F. SPENCER	15/5/69
240205	Lieutenant Colonel	W.J. WATSON	23/6/69
335134	Captain	T.J. WILKINSON	17/1/68
12843	Major	N.T.J. WILLIAMS	28/10/70

ARMED FORCES HONOUR MEDAL 2nd CLASS

5288	Warrant Officer	R.A. BANDY	2/8/64
29598	Warrant Officer	T.H. BREADWELL	4/8/70
210018	Warrant Officer	R.F. CAPEL	6/8/68
3975	Warrant Officer	G. CHINN	1/9/64
54267	Warrant Officer	J.F. GHILOTTI	28/8/70
13571	Warrant Officer	K. KENNEALLY	3/8/68
12128	Warrant Officer	S.T. KENT	16/10/65
42924	Warrant Officer	K. RICHARDS	10/1/68
61161	Warrant Officer	R.V. RONEY	3/11/69

NHÂN-DŨNG BỘI-TINH

LIFE SAVING MEDAL

213146	Captain	J.A. LEGGETT	11/4/68

7./...

DÂN-VU BÔI-TINH

CIVIL ACTIONS MEDAL 1st CLASS

13370	Major	G.V. BROWN	11/2/70
17032	Major	F.J. CROSS	21/1/71
38017	Captain	J.J. FREWEN	10/12/67
13372	Major	J.V. LOFTHOUSE	18/12/70
443803	Major	L.K. MACKAY	20/8/68
2297	Colonel	M.B. SIMKIN	9/7/70
337709	Major	D.R. TWIGG-PATTERSON	

THAM-MUU BÔI-TINH

STAFF SERVICE MEDAL 1st CLASS

36371	Warrant Officer	R.D. AYLETT	12/12/69
215835	Captain	E.P. CHAMBERLAIN	23/10/70
42609	Lieutenant	F.E. DOERR	4/12/69
6875	Captain	A.G. LAWSON	
14703	Captain	D.C. LEVER	23/7/69
3135452	Major	J.A. NOADE	6/2/71

HUÂN-VU BÔI-TINH

TRAINING SERVICE MEDAL

436530	Warrant Officer	C.R. ANSELL	(2nd Class)	9/2/70
5288	Warrant Officer	R.A. BANDY	(2nd Class)	20/8/64
42042	Major	P.W. BEALE	(1st Class)	22/12/70
210503	Warrant Officer	D.F. HEDGES	(2nd Class)	26/8/70
213536	Captain	R.M.C. HINDE	(1st Class)	9/5/69
15742	Captain	S. KRASNOFF	(1st Class)	8/11/68
27757	Warrant Officer	T.F. MALONE	(2nd Class)	4/12/69
33887	Warrant Officer	S.D. ROSENBERG	(2nd Class)	31/3/70

PSYCHOLOGICAL WARFARE MEDAL

55690	Sapper	D. ANNING	(2nd Class)	22/6/69
51783	Major	F.S. ARNDT		15/7/68
335086	Major	M.D. CURRIE	(2nd Class)	22/6/69
335037	Lieutenant Colonel	P.C. GRATION	(2nd Class)	22/6/69
237	Major General	R.A. HAY	(1st Class)	22/6/69
235211	Captain	N.L. HORN	(2nd Class)	22/6/69
3163	Brigadier	C.M.I. PEARSON	(1st Class)	22/6/69
2785369	Sapper	R. ROWE	(2nd Class)	22/6/69
17985	Lieutenant	J.B. SULLIVAN	(2nd Class)	22/6/69
15446	Sergeant	J.A. WILSON	(2nd Class)	22/6/69

8./...

CHUONG-MY BOI-TINH

NATIONAL MEDAL OF MERIT (CIVIL)

57038	Major	P.R. BURNS		21/3/67
1965	Warrant Officer	M. COFFEY		
237	Major General	R.A. HAY	(1st Class)	22/6/69
244	Major General	K. MACKAY	(1st Class)	
26165	Warrant Officer	J.T. MALONE		11/11/64
3475	Lieutenant Colonel	J.F. McDONAGH	(2nd Class)	6/68
235180	Captain	A.G. NESBITT	(2nd Class)	31/10/66
1123	Lieutenant Colonel	K.P. OUTRIDGE	(2nd Class)	7/11/70
35803	Captain	I.C. TEAGUE —		

POLICE HONOUR MEDAL

2410380	Warrant Officer	R.G. CARTER		9/12/69
38322	Lieutenant	J.J. FLORENT	(2nd Class)	

KY-THUAT BOI-TINH

TECHNICAL SERVICE MEDAL

38256	Sergeant	R.C. ELY	(2nd Class)	15/1/68
21440	Warrant Officer	D. KILLION	(2nd Class)	11/6/70
24026	Warrant Officer	M.R. STEIGER	(2nd Class)	2/71

EDUCATION AND CULTURAL SERVICE MEDAL

335037	Lieutenant Colonel	P.C. GRATION	(2nd Class)	12/4/70
58057	Major	M. HITCH	(2nd Class)	11/9/70
38742	Captain	A. JORDAN	(2nd Class)	1/7/71
1123	Lieutenant Colonel	K.P. OUTRIDGE	(2nd Class)	1/7/71
17133	Captain	R.D. WARREN	(2nd Class)	17/7/71

HẢI-VU BỘI-TINH

NAVY SERVICE MEDAL (HONOUR CLASS)

38433	Major	J.S. HARTLEY	26/11/70

RURAL REVOLUTIONARY DEVELOPMENT SERVICE MEDAL

13372	Major	J.V. LOFTHOUSE	31/8/70

SOCIAL WELFARE MEDAL 1st CLASS

443803	Major	L.K. MACKAY	10/6/68

9./...

PUBLIC HEALTH MEDAL

1123	Lieutenant Colonel	K.P. OUTRIDGE	28/7/70

ETHNIC DEVELOPMENT SERVICE MEDAL

213759	Captain	C.J.A. SUTTON	31/8/70

ANNEX B TO
AHQ 445/R1/77
OF 31/12 71

VIETNAMESE AWARDS

UNIDENTIFIED RECIPIENTS

		Gallantry Cross (Silver Star)	
	MILLS		
Warrant Officer	Robert E MILIS	"	16/2/71
Major	John D McGUIRE ?NZ.	"	20/4/71
Sergeant	David P. BEATTIE	"	20/4/71
Private	William F. ANGELI	"	20/4/71
Captain	J.C. BUCHANAN ANGELL	"	17/8/71
Captain	B.G. ABRAHAM	"	17/8/71
1st Lieutenant	S.P. RAWLINSON	"	17/8/71
1st Lieutenant	K.T. POWELL	"	17/8/71
1st Lieutenant	W.T. SHUREY	"	17/8/71
1st Lieutenant	J.T. CUMLEY	"	17/8/71

		Gallantry Cross (Bronze Star)	
Lieutenant Colonel	Barry M. THOMAS	"	14/1/69
Warrant Officer	Jack FITZGERALD	"	18/5/70
Major LT CDR.	Winston P. JAMES RAN	"	19/1/71
Captain	C.R. COLES	"	17/8/71
Warrant Officer	W.J. MEIERNEY	"	1/3/71
	W.J. McINERNEY		

387723 → 80169 / 580917

CONFIDENTIAL

CONFIDENTIAL

AUSTRALIAN FORCE VIETNAM

R445/3/1

Army Component

21 Oct 71.

1 ATF
AATTV
HQ Coy.

FOREIGN AWARDS
VIETNAMESE

1. The GVN has indicated that it is desirous of processing proposals for Vietnamese awards for Aust personnel who have served with dinstinction in South Vietnam.

2. This offer is not to be accepted as an invitation to solicit Vietnamese awards but rather to propose awards where it is considered that an Australian Serviceman merits an award for outstanding performance of duties in an intimate environment with the ARVN.

3. Annex A indicates those awards which may be considered and the qualifications for such awards.

4. Annex B shows the format which is to be used when the proposal for an award is submitted . All proposals are to be submitted through normal channels to HQ AFV.

(J.R. SALMON)
Colonel
Chief of Staff

Annexes: A. Vietnamese Awards and Conditions for Granting.
B. Award Proposal.

Internal: G
A
Q
Engr
Sigs.

CONFIDENTIAL

Lond — 27/10
Dlond — 6/11
DAAG — 7/11

4504

CONFIDENTIAL

VIETNAMESE AWARDS AND CONDITIONS FOR GRANTING

ANNEX A TO
HQ AFV R445/3/1
DATED 1 OCT 71

Award	Classes	Qualifications
Army Distinguished Service Order	The Army Distinguished Service Order has two classes: - Army Distinguished Service Order, First Class. - Army Distinguished Service Order, Second Class.	The Army Distinguished Service Order is awarded or posthumously awarded to Army Officers who meet one of the following requirements: - Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty. - Have accomplished exceptionally important achievements that reflect great credit on, or is beneficial to the Army of the Republic of Vietnam Armed Forces in any field The Army Distinguished Service Order is also intended for Infantry Units and General Officers in other armed services who have accomplished an achievement that is exceptionally important and beneficial to the Republic of Vietnam Army. The Army Distinguished Service Order may be awarded to foreigners for their meritorious service to the Republic of Vietnam Army or for diplomatic reasons.
Army Meritorious Service Medal	One class only.	The Army Meritorious Service Medal is awarded or posthumously awarded to Non-Commissioned Officers and Enlisted Men in the Republic of Vietnam Army who have served in the Army and meet one of the following requirements: - Have been cited or wounded many times in combat or in line of duty. - Have accomplished an exceptionally important achievement that reflects great credit on, or is beneficial to the Republic of Vietnam Army in any field.

...../2.

Award	Classes	Qualifications
		The Army Meritorious Service Medal is also intended for foreign Non-Commissioned Officers and Enlisted Men for their meritorious service to the Republic of Vietnam Army.
Special Service Medal	One class only	The Special Service Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel and government civilian employees who have distinguished themselves by extraodinary deeds or have accomplished an important mission that involved a risk of life and required exceptional fortitude and aggressiveness. The Special Service Medal is also presented to foreign military personnel serving by the side of Republic of Vietnam Armed Forces units who meet the requirements stated above.
Gallantry Cross	- Gallantry Cross with Palm. - Gallantry Cross with Gold Star. - Gallantry Cross with Silver Star. - Gallantry Cross with Bronze Star.	The Gallantry Cross is awarded or posthumously awarded to military personnel, civilians, and Armed Forces units and organizations which have accomplished deeds of valor or displayed heroic conduct while fighting the enemy, and have been cited at the Armed Forces, Corps, Division, Brigade or Regiment level.
Hazardous Service Medal	One class only	The Hazardous Service Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel who meet one of the following requirements: - Have displayed heroism in the protection of government properties or the life of government officials. - Have long endured danger to accomplish a strategic mission in a remote area under constant enemy threat.

Award	Classes	Qualifications
		- Have proved their enthusiasm and determination in the accomplishment of a relatively dangerous mission not involving direct participation in combat. The Hazardous Service Medal is also intended for foreign military personnel who meet one of the requirements prescribed above and whose accomplished mission is beneficial to the Republic of Vietnam Armed Forces.
Life Saving Medal	One class only	The Life Saving Medal is awarded or posthumously awarded to military personnel of all grades, government officials and civilians who have exhibited extreme bravery in risking their life to rescue other people in distress. The Life Saving Medal is also intended for foreigners who have risked their lives to rescue Vietnamese citizens in distress.
Armed Forces Honor Medal	- Armed Forces Honor Medal, First Class (For Officers). - Armed Forces Honor Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).	The Armed Forces Honor Medal is awarded to military personnel, technicians, government employees or civilians, who have contributed to the formation and organization of the Republic of Vietnam Armed Forces and the training of troops or technical cadres for the various branches. In general, it is awarded to those who have contributed to the development of the Republic of Vietnam Armed Forces.
Staff Service Medal	- Staff Service Medal, First Class (for Officers) - Staff Service Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).	The Staff Service Medal is awarded to military personnel of all grades and civilians who render staff service to the Republic of Vietnam Armed Forces through outstanding initiative and devotion to their assigned staff duty.

CONFIDENTIAL

Award	Classes	Qualifications
		The Staff Service Medal is also awarded to foreign personnel serving by the side of the Republic of Vietnam Armed Forces, who have met the above-mentioned requirements.
Technical Service Medal	- Technical Service Medal, First Class (for Officers). - Technical Service Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).	The Technical Service Medal is awarded to all military servicemen and civilians working as technicians in technical branches of the Army, Navy and Air Force of the Republic of Vietnam, who have shown outstanding professional capacity, initiative and special devotion to duty. Foreign personnel working by the side of the Republic of Vietnam Armed Forces who meet the above-mentioned requirements may also be awarded the Technical Service Medal.
Training Service Medal	- Training Service Medal, First Class (For Officers). - Training Service Medal, Second Class (for Non-Commisioned Officers and Enlisted Men).	The Training Service Medal is awarded to instructors and cadres serving in Military Schools and Training Centers who have shown outstanding professional ability as well as devotion to duty and have contributed significantly to the training of the Republic of Vietnam Armed Forces. Instructors who are not organic personnel of military schools and training centers may also receive the Training Service Medal if they have completed the number of training hours indicated by the military schools and training centers and have shown outstanding professional ability and devotion to duty. This medal is also awarded to organizations, government officials, civilians and foreigners who have directly or indirectly contributed to the training of the Republic of Vietnam Armed Forces personnel.

CONFIDENTIAL

...../5.

Award	Classes	Qualifications
Civil Actions Medal	- Civil Actions Medal, First Class (for Officers). - Civil Actions Medal, Second Class (for Non-Commissioned Officers and Enlisted Men).	The Civil Actions Medal is awarded or posthumously awarded to the Republic of Vietnam Armed Forces and foreign military personnel or units that have performed outstanding achievements in the field of civil affairs.

DANH-SACH QUAN NHAN NGOAI-QUOC DUOC DE-NGHI AN-THUONG

HUY-CHUONG VIET-NAM

So T/t:	Ho va Ten	Cap bac	so quan	Chuc-vu	Don-vi	Huy-chuong de-nghi
1	James Curnow HUGHES	Trung-Ta	47001	Tieu-Doan Truong	Tieu-doan 4/UDL	ADBT nhanh duong lieu
2	Ronald Edward BOXALL	Thieu-Ta	14967	Dai-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Vang
3	Robert Reid HOGARTH	Thieu-Ta	235242	"	"	ADBT Ngoi sao Bac
4	Brian Robert Hampton MONKS	Thieu-Ta	35187	"	"	ADBT Ngoi sao Bac
5	Paul Raymond MENNER	Ha-si	3797482	Tieu-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Bac
6	Daniel Nolan McDANIEL	Thieu-Uy	5715422	Trung-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Dong
7	Colin RATA	Ha-si	477892	Tieu-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Dong
8	Alec Manu LEE	Ha-si	354556	Tieu-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Dong
9	Kerei William RURU	Ha-si	41569	Tieu-doi Truong	"	ADBT Ngoi sao Dong
10	Edmund Hugh STEVENSON	Thieu-ta	28709	Si-quan H/Quan	"	DDBT De nhat hang
11	John Ellis CARDE	Thieu-ta	215456	SQ Tuyen Uy bac 3	"	DVBT De nhat hang
12	Alan SWITZER	Dai-Uy	220549	SQ Tuyen Uy bac 4	"	DVBT De nhat hang
13	Rodney James FERRIER	Th/Ta	41759	Si-quan Lien-lac	BCH/CD 1 UDL	DDBT De nhat hang
14	Charles Christopher Michael PETERS	Th/Ta	335117	SQ TM (P/2)TB	"	DDBT De nhat hang
15	Donald McLeod Yeomans SMITH	Th/Ta	2108089	SQ TM(P2) DSV & TLC	"	DVBT De nhat hang
16	Roy CoSIER	Dai-Uy	2207542	SQ Tuyen Uy	"	DVBT De nhat Hang
17	H.C. FRANKLIN	Th/Ta	63505	Truong phong TQT	"	DDBT De nhat hang
18	Warren MURRAY	Th/Ta	13132	Pho Truong phong TQT	"	-nt-
19	Josepth LAXTON	Dai-Uy	4102	Truong phong NV	"	-nt-
20	Neville John CULLEN	TrungSi	215606	Tro y	Benh Vien 8 Da Chien	DDBT De nhi hang
21	Geoffrey Stanley VERCOE	Th/Ta	4905011	Chi Huy Truong	-nt-	DVBT De nhat hang
22	Peter ROWSE	Ha Si	39454	Tro Y	-nt-	DDBT De nhi hang

.....2/.....

23	Kevin Barry POLKINGHORNE	TSI	16059	Chuyen-Vien TV Phi-hanh	161 Khong Tham	DDBT Hang Nhi
24	Arthur Robin TURL	TSI	313880	CV Co khi	"	DDBT Hang Nhi
25	Ian Micheal YERBURY	Dai-Uy	43129	SQ Tien-sat PB	TD 12 PB Da-chien	ADBT Ngoi Sao Bac
26	Peter MARTIN	Ha-si	3797067	Phu-ta Tien-sat Vien	"	ADBT Ngoi Sao Dong
27	Peter John PEARSON	Thieu-ta	311580	Phao-doi Truong	"	DDBT Hang Nhat
28	Robert James STEWART	B2	5717228	Hieu-thinh vien	"	DDBT Hang Nhi
29	Leonard George TRUMP	Tuyen-Uy	220496	SQ Tuyen-Uy	"	DVBT Hang Nhat
30	John Murry SANDERSON	Thieu-ta	57060	Chi-huy Truong	17 Cong-Binh KT	DDBT Hang Nhat
31	Bernard George GILES	Ha-si	43056	Co-khi Vien	"	DDBT Hang Nhi
32	Malcolm Leslie MORRISON	Thieu-Uy	44316	Truong Toan TLC	DV 1 Tam ly-chien	DVBT Hang Nhat
33	Anthony Michael DAWES	Ha-si	61820	Hieu Thinh Vien	"	DDBT Hang Nhi
34	Edward TOMCZAK	Dai-Uy	55020	Toan Truong	DD1Cong-Binh CD	DDBT Hang Nhat
35	John Whitley PRITCHARD	Trung-Uy	38722	SQ Hanh Chanh	"	DVBT Hang Nhat
36	Lawrence Allen WRIGHT	Trung-Ta	25625	Chi-huy Truong	DV 1 Dan su-vu	DVBT Hang Nhat
37	Anthony Walter WHITE	Dai-Uy	214183	SQ Lien lac	"	DVBT Hang Nhat
38	Gordon James FITZGERALD	Thieu-ta	235107	Chi-huy pho	"	DDBT Hang Nhat
39	Patrick TANZER	Thuong si	18512	Giam-thi xay cat & tu bo	"	DVBT Hang Nhi

.....3/.....

40	Joseph John FAHY	Ha-si	216216	Chuyen-vien TL	DV 1 Dan-su-vu	DVBT Hang Nhi
41	Michael Cyril APPLEBY	"	21[illegible]998	Co-van Canh-nong	"	DVBT Hang Nhi
42	Keith Edward WALSH	B1	13578	Nhan-vien	"	DVBT Hang Nhi
43	John BODINNAR	Trung-Uy	3112358	SQLien lac	Chidoan A: TD 3 TQV.	DDBT Hang Nhat

TONG KET BAN DANH SACH NAY LA:

- 01 Anh Dung Boi Tinh voi Nhanh Duong Lieu,
- 01 Anh Dung Boi Tinh voi Ngoi Sao Vang,
- 04 Anh Dung Boi Tinh voi Ngoi Sao Bac,
- 05 Anh Dung Boi Tinh voi Ngoi Sao Dong,
-
- 11 Danh Du Boi Tinh De Nhat Hang,
- 07 Danh Du Boi Tinh De Nhi Hang,

- 10 Dan Vu Boi Tinh De Nhat Hang,
- 04 Dan Vu Boi Tinh De Nhi Hang./

///

KBC. 3177/TLL ngay 26 thang 11 nam 1971.

Trung-Ta HO-VAN-HIEP
Truong Toan Lien-lac canh Chien-doan UDL

1. Brig Mc Donald — National Order 5th Class
Gallantry Cross & Palm

2. LTC Hughes

3. Gallantry Cross - Gold
~~Silver~~

4 AFHM 1st Class

5. Gallantry Cross & Silver

6. — Bronze

7. AFH M 2nd Class

8. CA 1st Class

9. " 2nd Class

10. Commendation Certificate

Brigadier
Commander 1st Australian Task Force

May DJAG 1ATF

REPUBLIC OF VIETNAM
RVNAF
III CTZ
AG OFFICE
No 4171/TM/QDIII/TQT/NSV/HC3

M E M O R A N D U M

SUBJECT: Presentation of ARVN Awards to Foreign Servicemen.

REFERENCES: - Memo No 910/TTM/VP/PCP/3, dated 30 Mar 1966, JGS
- Memo No 9528/TTM/TQT/CP/HCh, dated 1 July 1969, JGS
- Memo No 2290/TM/QDIII/TQT/NSV, dated 9 June 1966, III Corps + III CTZ

/-/

I. Although several letters and memos have been published outlining procedures and conditions concerning recommendation and presentation of VN medals to allied servicemen, III Corps and III CTZ Headquarters has found, through reports and awards recommendations sent to III Corps Headquarters, that procedures concerning recommendation for, and presentation of, RVN awards to meritorious allied servicemen serving at all units within III CTZ and at allied combat units in III CTZ have not been properly administered. This practice has not only demoralized those foreign servicemen who have assisted the RVNAF by performing meritorious service, but has also lowered the prestige of RVN awards. In addition, as a result of this improper practice, some VN and allied personnel may feel adversely towards the noble value and significance of the RVN Awards and the prestige of officials who present awards may be undermined.

II. To correct the above deficiency, this memo is issued to provide all units of III CTZ with important basic guidance on the recommendation and presentation procedures of a number of essential Awards to allied servicemen who meet prescribed conditions (see Annex 1 attached).

III. Procedures for Submission of Award Recommendations:

31. The citation should include full name, rank, service number, position, unit, arm or service, etc. (Annex 2 attached).

32. Procedures on Forwarding Award Recommendations:

321. For Staff Sections and Organic Units within III Corps:

- G Staffs: Section chiefs and unit commanders approve and sign the recommendation, with the comments of appropriate US senior advisors, if recommended personnel are not senior advisors. Documents will be dispatched to the Office of the III Corps Adjutant General for approval and necessary processing prior to being submitted to the Commanding General, III Corps/III CTZ for decision.

322. For all DTAs, Special Zones, and Sectors and Sub-Region:

Commanding Generals of DTAs and Commanders of Special Zones

and Sectors approve and sign award recommendations that are beyond their award jurisdiction, condentrate and send them to the office of the III Corps Adjutant General in accordance with the schedule listed at Paragraph V of this Memo.

333. For Allied Combat Units:

Recommendations must be approved and signed by appropriate allied unit commanders (at least Chief of Staff level). Concerned ARVN Liaison Team is responsible for providing concerned unit guidance on award principles; checking individual documents; and most significantly, insuring that citations contain full details in Vietnamese. These recommendations will be concentrated and sent to the Office of the III Corps Adjutant General per schedule listed at Paragraph V of this Memo.

IV. Basic Guidance on Award Recommendations:

In addition to the basis for awards presentation stated by Annex 1 attached, all addressees will pay particular attention to the following:

a. Recommendations for award presentation for foreign servicemen must be on the same basis as determined for VN servicemen. All addressees will note that some types of RVN noble awards may not be presented to allied servicemen who have served in Vietnam for a period of less than one year, The National Orders, Military Merit Medals, Army Distinguished Service Order, etc. are the highest awards of the Nation. Recipients of these awards not only must have long term service but must also obtain various meritorious achieve ments. Therefore, foreign servicemen whose tour of duty in VN is less than one year may only be awarded one among the Armed Force Honor Medal, the Staff Service Honor Medal, the Training Service Medal or Technical Service Honor Medal depending on their daily main responsibilities and tasks. In particular, General Officers, Senior Advisors to major units or important agencies may be awarded the National Order or the Army Distinguished Service Order, if they had actually assisted the RVNAF by performing most outstanding service and obtaining meritorious achievements.

b. All addressees should not wrongly think that any foreign servicemen who served with combat units may be presented awards for gallantry such as the Cross of Gallantry, the Air Gallantry Medal, etc. Recommending officials must distinguish their achievements on meritorious service, i.e., the achievements they obtained during their daily works as distinguished from their special (combat) achievements, that is the achievements they obtained during a special mission for a determined time period. Each type of meritorious achievement has a corresponding type of award. Therefore, all addressees should not automatically consolidate these two types of achievements into one award recommandation. It is very possible that several servicemen displayed gallant actions on the battlefield and have been awarded the Crosses of Gallantry, Air Gallantry Medals, Navy Gallantry Medals, etc., but they did produre outstanding performance of their daily duty that entitles them to the Armed Force Honor Medal, the Staff Service Honor Medal or Technical Service Honor

Medal. On the other hand, several individuals both performed gallant actions on the battlefield as well as provided the RVNAF with outstanding daily service. These men may be awarded two appropriate awards during a tour of duty in Vietnam.

c. For the achievements obtained through daily service by foreign servicemen during a one year tour of duty in VN, each of them may be recommended and presented one of the following RVN awards depending on the importance of meritorious achievements and assigned position:

- National Order
- Army Distinguished Service Order
- Armed Forces Honor Medal
- Staff Service Honor Medal
- Technical Service Honor Medal
- Training Service Honor Medal.

However if a foreign servicemen volunteers to extend his service in VN for 6 additional months he may be awarded one more medal. In this case, the citation must state achievements and meritorious service he obtained throughout six months of his extension period (this is usually applicable to foreign servicemen who serve as advisors to RVNAF units).

d. For gallant action: After each performance, a foreign servicemen may be recommended and presented one of the following awards depending upon the degree of his gallantry, the extent of danger, and the characteristics of his mission:

- National Order accompanied by the Cross of Gallantry with Oak-leaf Cluster.
- Military Merit Medal accompanied by the Cross of Gallantry with Oak-leaf Cluster.
- Army Distinguished Service Order.
- Army Meritorious Service Medal
- Special Service Medal
- Cross of Gallantry
- Air Gallantry Medal
- Navy Gallantry Medal

- Hazardous Service Medal

- Life-Saving Medal.

The recommendation for presentation of awards for gallant actions of servicemen will never be limited. Each gallant action will be considered as separate reason to recommend the presentation of each appropriate award, provided this action deserves to be mentioned as exemplary for unit soldiers to follow. Each servicemen should understand that participation in a hazardous mission should not be considered as a reason in itself for recommendation of an award. Recommendations for awards should be made [illegible] encounters difficulties and danger in the implementation of the assigned mission and when the action has been witnessed by concerned unit commanders. Only by meeting this requirement may the selection of outstanding individuals for recommendation for awards not be incorrectly and improperly carried out.

e. Normally, at DTA, Special Zone and Sector levels, recommending officials as well as officials who may present awards are very busy with their tasks and have insufficient time to study conditions and procedures for presentation of awards. Therefore, Adjutant General personnel are responsible for providing unit commanders with advise pertaining to award presentation. On the contrary, concerned unit commander should also delegate a part of the responsibilities of this mission to AG personnel before rendering a final decision.

f. To avoid difficulties in the promulgation of awards presentation documents as well as to avoid mistakes in administrative processing, including the legalizing of the wear of RVN awards by foreign servicemen, the rank of the foreign servicemen who is recommended for award must be noted in English on the Vietnamese recommendation.

V. Schedules for Submitting and Forwarding Award Recommendations to III Corps/ III CTZ Headquarters:

51. Submission of Service Achievement Awards:

Awards recommendations will be submitted from 1 to 2 months prior to departure dates of recommended servicemen and collected for forwarding to III Corps/III CTZ Headquarters per the following monthly schedule:

- From 1st to 5th day and from 15th to 20th day of each month for allied combat units (through ARVN Liaison Officer channels).

- From 6th to 10th day, anf from 21st to 25th day of each month for all DTAs, special zones, sectors and sub-regions.

One month after award recommendations have been forwarded, all units concerned will designate representatives to come to the Office of the III Corps Adjutant General to be informed of results and to receive documents concerning

award presentations in case of approval by the Commanding General, III Corps/ III CTZ.

52. Types of Awards Presented for Special Achievement:

The awards recommendations must be submitted immediately upon completion of concerned special mission or right after the end of the battle then forwarded to Corps Headquarters by the fastest means available, for consideration. All DTA's, Special Zones, Sectors and Sub-Regions should bear in mind operation results reported to III Corps Headquarters for justification of awards recommendation. As for allied combat units, ARVN Liaison Officers must remember that the awards recommendations must bear an attached copy of the applicable report on the results of the friendly operation, for justificatio

Particularly, in cases of emergency, the presentation of awards can be conducted right on the battlefield to boost troop combat morale; and III Corps/ III CTZ Headquarters will favorably consider the awards recommendations submitted by message in cases where the contents of messages for award recommendations meet all applicable criteria as outlined by this Memo. Recommendations submitted after two months following the termination of a battle will not be considered.

VI. Request that all addressees strictly comply with all procedures outlined in this Memo so that the awards presentation procedures will obtain expected results.

VII. This Memo becomes effective on 1 May 1970.

APO 3177, 13 April 1970

Lieutenant General DO CAO TRI
Commanding General, III Corps & III CTZ

s/Do Cao Tri

Recommendations submitted through VT area Cond / III Corps HQ

Col Greville –	Armed Forces Honor medal	
	CA medal	
Maj Keith	CA medal	DCRE I ATF
Chap Maxwell	"	HQ I ATF
Lt Webb	"	30 Sem Sqn
Sfc Kavalaitis	"	"
Sfc Capitt	"	"
SGT Smith	"	VT Wks Sect
Sgt Mills	"	"
Sfc Smith	"	"
2 Lt Boag	"	HQ Cog I ATF

US AWARDS SUBMITTED - 29 OCT 71

BRONZE STAR

HQ 1 ATF - Colonel D.D. Weir, MBE

ARMY COMMENDATION MEDAL - VALOUR

A SQN 3 CAV REGT - 2Lt D.E. Pakes
1 2 FD REGT - Gnr B.D. Kelly
3 RAR - Maj K.E. Stiepevich
4 RAR/NZ - 2Lt D.G. Spinkston
Pte J.R. Evans
Pte N. Kirke

ARMY COMMENDATION MEDAL - MERITORIOUS SERVICE

HQ 1ATF - Maj B.W. McFarlane
Maj R.J. Hilder
C SQN 1 ARMD REGT - Maj P.W. Bourke
A SQN 3 CAV REGT - Capt Maj G. Ayre
12 FD REGT - Lt Col B.R. Topfer
Sgt D.A. Quirk
1 FD SQN - Cpl D.R. Stringer
Lcpl P.J. Tatler
17 CONST SQN - Capt R.T. Summerville
Lt J. McWhinney
A SECT 1 TOPO SVY TP - Capt P.R. Eddy
547 SIG TP - WO1 R.G. Burns
3 RAR - Lt Col F.P. Scott
Maj D.N. Kerr
4 RAR/NZ - Lt Col J.C. Hughes, MC
Maj D.S. McIver
2 SAS SQN - Sgt C.C. Wren AACC
161 (INDEP) RECCE FLT - Capt F.C. Barlow RAEME
DET 1 DIV INT UNIT - Cpl K.A. Cattell
102 FD NKSP - WO1 L.W.K. Stirling

PA on file

R445-2-2

25 May 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. Citation certificates are enclosed for recording and forwarding to the following members:

a. 57053 Maj P.M. Jeffery - 8 RAR.

b. 37811 Maj M.C. Peck - 8 RAR.

c. 43968 Cpl T.D. Elliott - 8 RAR.

d. 1734702 Pte A.E.S. Shrapnell - 8 RAR.

e. 1735070 Pte G.M. Pollard - 8 RAR.

f. 48702 Pte M.B. Timothy - 8 RAR.

g. 2791851 Pte P.J. Rock - 8 RAR.

(M.A. COUNT)
Maj
For Comd 1 ATF

Enclosure: 1. Citation Certificate (7).

R445-2-2

6 Aug 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. Enclosed are the Vietnamese citations and certificates of Award, together with English translations, for Maj M.A. Count and Maj D.R. Twigg-Patterson. Also enclosed is the Civil Affairs Medal for the latter officer.

2. It is requested that these awards be recorded and that the enclosures be forwarded to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For Cond 1 ATF

Enclosures: 1. Citations and translations (2).
2. Certificates and translations (2).
3. Civil Affairs Medal.

R445-2-2

13 Jun 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. Vietnamese citations with English translations are enclosed for the following members:

a. Maj A.R. Roberts.

b. 2Lt P.N. Gibson.

c. Sgt J.K. ALEXANDER.

d. Pte R.K. Hawkins.

e. Maj G.D. Hoffman.

f. Maj A.B. Petersen.

g. Cpl B.R. Seeley.

h. Pte D.J. Pattison.

i. Pte T.A. Wallace.

(M.A. COUNT)
Maj
For Comd 1 ATF

Enclosure: 1. Citation ans translations (9).

/3/ OMMANDING GENERAL

III CORPS and MILITARY REGION 3

)o

REPUBLIC O[F] VIETNAM
REPUBLIC OF VIET NAM ARMED FORCE
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL.

-++++O++++-

No : 95/QDIII[&] QK.3/QD/DDBT

Considering : - Decree No : 221-DQT/HC dated 6 Jan.1953 and subsequent documents which authorize the awarding of Honour Medal.
- Memo No : 1472/TLL/VP/PCP/3 dated 21 May 1965 prescribing the rights of Awarding the Armed Forces Honour Medal.
- Decree Law No : 037/66/CT/LDQG dated 10 Nov. 1966 on additional standards to Award the Armed Forces Honour Medal.
- Directive No : 655-428 dated 20 Oct. 1967 from JGS on the awarding of the Armed Forces Honour Medal.

/%/) E C I D E S

Article 1 : - The Armed Forces Honour Medal is awarded to the following servicemen :

FIRST CLASS :

ANTHONY ROGERS ROBERTS - Major - 33802 - AUSTRALIAN TASK FORCE :

Major Roberts was an operations officer of the 2nd Battalion the Royal Australian Regiment.

Throughout his tour of duty in Vietnam from 29 April 1970 to May 1971, Major Roberts proved to be an outstanding officerwith high Spirit of devotion to duty. He had served his unit eagerly on all aspects of organization, Staff handling as well as liaison with intergroup 3/15 Regional Force in order to conduct coordinated or separated operations which brought many glorious victories for the battalion in supporting effectively the pacification and Rural Development of the Government of Vietnam.

Article 2 : - The Brigadier, Chief of Staff of III Corps and Military Region 3 is responsible of executing this decision.

APO. 3.177, 22 MAY 1971
Lt.General NGUYỄN VAN MINH
Commanding General of III Corps and MR.3.
(Signed and Sealed)

DITRIBUTION :

- HQ/1st AUSTRALIAN TASK FORCE (Liaison Team) "For Forwarding"
- JGS/AG Office "For Reporting"
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

------oOo-----

( ) F F C I A L ( ) R D E R

No. 56/QD.III/QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces

------oOo------

- Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry..
- Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.
- Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces.

C I T E S AT

C O R P S L E V E L

- Peter Neil GIBSON - Second Lieutenant - 217418 - Australian Task Force .

Lieutenant GIBSON served excellently as platoon commander in "B" Company of the 2nd Battalion, the Royal Australian Regiment.
He has distinguished himself in an ambush patrol on 15 December 1970 near the Courtenay Rubber Plantation in Phuoc-Tuy Province. LT. GIBSON had cleverly chosen an excellent site to set up an ambush. When a numerically superior enemy approached the ambush, LT. GIBSON calmly commanded his troops to open fire by claymore mines and machine gun effectively causing the enemy suffered heavily by leaving 10 dead on the battlefield.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Gold Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Force
  (ARVN Liaison Team)
  " For forwarding"
- JCS/AG Office " For reporting "

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

-----oOo-----

(O)FFICIAL (O)RDER

No. 56/QD.III • QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.

-----oOo-----

- Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry
- Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 precribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.
- Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces.

GITES AT

CORPS LEVEL

- Jeffrey Keith ALEXANDER - Sergeant - 43169 - Australian Task Force .

Sergeant ALEXANDER was a brave and smart platoon sergeant of "C" company, the 2nd Battalion, the Royal Australian Regiment.
Partcularly on the night of 26th January 1971 in an ambush site at a small hamlet in Phuoc-Tuy Province, Sergeant ALEXANDER cleverly commanded his subordinate soldiers in defeating a squad of enemy. Though he was encountering a difficult terrain because the enemy had infiltrated the hamlet and took cover in civilians' houses, but he still achieved his assigned mission beautifully and prevented damages for the civilian occupants. The action resulted on 03 VC's killed, 01 wounded and 03 captured.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Gold Satr.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Force.
  (ARVN Liaison Team)
  " For forwarding "
- JGS/AG Office " For reporting "
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

--------oOo--------

(( ) FFICIAL (( ) RDER

No. 56/QĐ.III ◆ QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces

-----oOo-----

-Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.

-Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces.

CITES AT
CORPS LEVEL

-Richard Kenneth HAWKINS - Private - 1735350 - Australian Task Force.

Private HAWKINS was an outstanding machine gunner in "B" Company 2nd Battalion, the Royal Australian Regiment. On 15th December 1970 he had distinguished himself in a night ambush patrol near the Courteney Rubber Plantation in Phuoc-Tuy Province. Private HAWKINS opened fire accurately at the enemy group even though heavy enemy fire was directed at him. He still stayed calmly and continued to fire until the enemy retreated leaving 10 dead in an area from 15 metres to 120 metres from his machine gun position.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Gold Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Force
  (ARVN Liaison Team)
  " For forwarding "
- JGS/AG Office "For reporting"
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

-----oOo-----

( ) F F I C I A L ( ) R D E R

No. 56/QD.III + QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.

-----oOo-----

-Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.

-Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces.

C I T E S AT

D I V I S I O N L E V E L

-Graham David HOFFMAN - Major - 14969 - Australian Task Force.

An outstanding company commander of "B" Company, 2nd Battalion, the Royal Australian Regiment. Major HOFFMAN had distinguished himself in the search and destroy operations in Phuoc-Tuy Province since 29 th April 1970 up the present. With his leadership, integrity and professional competence, Major HOFFMAN did not mind any dangers encountered to command his company to fight courageously causing heavy casualties to the enemy by killing 22 and capturing 01.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Siver Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Force
  (ARVN Liaison Team)
  "For forwarding"
- JGS/AG Office "For reporting"
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

------oOo------

( ) FFICIAL ( ) RDER
No. 56/QD.III ◆ QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.

------oOo------

-Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 74-b/QT Dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.

-Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces.

CITES AT

DIVISION LEVEL

-Arthur Barry PETERSEN - Major - 13368 - Australian Task Force.

An outstanding Officer Commanding of "C" company, 2nd Battalion, The Royal Australian Regiment.
Particularly in the destroy operations since 29th April 1970 up to the present in Phuoc-Tuy Province, Major PETERSEN had shown his courage by maneuvering his company to attack at the enemy defensive position under their firepowder aiming at him, During the company service under his command, it has killed 21 VC and captured 04 prisoners. This action has contributed greatly to the success of his unit in operations.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Silver Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :
- 1st Australian Task Force (ARVN Liaison Team) "For forwarding"
- JGS/AG Office " For reporting "
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCSE
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

-------oOo------

(O)FFICIAL (O)RDER

No. 56/QD.III • QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces

y

-Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.

-Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.

-Considering directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medals in the RVN Armed Forces

CITES AT

BRIGADE LEVEL

- Barry Ronald SEELEY - Corporal - 17613 - Australian Task Forces.

Outstanding Section commander in a rifle company, 2nd Battalion, The Royal Australian Regiment.
Throughout his tour of duty in Vietnam since 12 May 1970, Corporal SEELEY has participated in almost all operations conducted by his unit in the territory of Phuoc-Tuy Sector. He distinguished himself on 21 January 1971, when his platoon contacted an enemy patrol and after the fire fight, one enemy seen to withdraw, Corporal SEELEY voluntarily engaged in the harzardous task of following up the enemy trail and personally killed the retreating enemy soldiers.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Bronze Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces
LT. General NGUYEN VAN MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Force.
(ARVN Liaison Team)
"For forwarding"
- JGS/AG Office "For reporting"
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE.

( ) PRICIAL ( ) RDER

No. 56/QD.III ◆ QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces

- Considering Ordnance No. 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/8/1950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Viet-Nam Armed Forces.
- Considering Directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights awarding of medals in the RVN Armed Forces.

CITES AT

BRIGADE LEVEL

- Daryl James PATTISON - Private - 3797525 - Australian Task Force.

Outstanding member of the assault Pioneer Platoon, 2nd Battalion, The Royal Australian Regiment/New Zealand (ANZAC).
Private PATTISON was cited as excellent in an ambush patrol on the night of 5th December 1970 in the Courtency Rubber Plantation in the territory of Phuoc-Tuy Province. By his steadiness in action and his efficiency in handling his machine gun, Private PATTISON quickly opened fire effectively, when a group of enemy fell into the ambush position, causing 02 killed and the others forced to withdraw.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Bronze Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
Chief Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces
LT. General NGUYEN [redacted] MINH
Commanding General
III Corps and Military Region 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Forces
  (ARVN Liaison Team)
  " For forwarding "
- JGS/AG Office "For reporting"
- File.

REPUBLIC OF VIETNAM
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
III CORPS and MILITARY REGION 3
STAFF HEADQUARTER
ADJUTANT GENERAL OFFICE

-----oOo-----

(C)FFICIAL (C)RDER

No. 56/QD.III • QK.3/CL/ADBT.

Chief of Joint General Staff
Republic of Vietnam Armed Forces.

y

- Considering Ordnance No 10-b dated 15/8/1950 creating the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 74-b/QT dated 15/81950 and subsequent documents determining the procedures of awarding the Cross of Gallantry.
- Considering Decree No. 614-a/TT/SL dated 01/7/1970 prescribing the organization system of the National Defense and the Republic of Vietnam Armed Forces.
- Considering directive No. 655-402 dated 23/02/1971 prescribing the rights of awarding of medal in the RVN Armed Forces.

CITES AT
BRIGADE LEVEL

- Thomas Anthony WALLACE - Private - 44936 - Australian Task Force.

Machine gunner in "C" company, 2nd Battalion, The Royal Australian Regiment. Private WALLACE has distinguished himself in the search operation in Chau-Pha valley in Pguoc-Tuy Province on 07 October 1970, when his unit engaged heavily with an estimated company size enemy force. Private WALLACE has shown to be outstanding by moving to a good fire position to set up his machine gun and fire accurately at the enemy. This forced the enemy to withdraw leaving 02 dead and 01 captured.

This citation is enclosed with a Cross of Gallantry Medal with Bronze Star.

APO. 3.177, 22 May 1971
For. General CAO VAN VIEN
CHIEF JOINT GENERAL STAFF
REPUBLIC OF VIETNAM ARMED FORCES
LT. GENERAL NGUYEN VAN MINH
COMMANDING GENERAL
III CORPS and MILITARY REGION 3

(Signed and Sealed)

Distribution :

- 1st Australian Task Forces (ARVN Liaison Team) " For forwarding "
- JGS/AG Office "For reporting"
- File.

R445-2-2

3 Sep 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. Enclosed are Certificates of Outstanding Achievement forwarded to HQ 1 ATF by devious means.

2. The Certificates are submitted for your action in having them recorded in the member's files and for delivery to the members concerned.

(H.C. FRANKLIN)
Maj
For Cond 1 ATF

Enclosure: 1. Certificates of Outstanding Achievement (2).

Republic of Vietnam
Republic of Vietnam Armed Forces
III corps and Military Region 3
Staff Headquarters
Adjutant General office
No: 119/QD III + QK 3/QD/DDBT

III corps and MR 3 Commanding General

Considering Decree No. 221-DQT/HC dated 6 Jan 1953 and subsequent documents authorizing the award of Honour Medal.

Considering Memo No. 1472/TTL/UP/PCP/3 dated 21/5/1965 prescribing the rights to award the Armed Forces Honour Medal.

Considering Decree Law No. 037/66/CT/LDQG dated 10/11/1966 on additional standards to award the Armed Forces Honour Medal.

Considering Directive No. 655-H28 dated 20/10/1967 from JGS on the award of the Armed Forces Honour Medal.

DECIDES

Article 1. The Armed Forces Honour Medal is awarded to the following serviceman:

First class

- Malcolm Alwynne Count - Major - 53023 - Australian Task Force

Deputy Assistant Adjutant General, IATF.

Throughout his tour of duty in Vietnam since 18 June 1970 to 18 June 1971, Major Count had proved

his capability and specialized experience in any tasks assigned. In addition to his achievement of duty in his unit, Major Comnt also solved ~~to~~ any difficult problems encountered amongst the Australian soldiers and the local people in a satisfactory manner. This action has supported beautifully for the ~~Rural Development and~~ Pacification Program of the Republic of Vietnam effecting many warmest sympathies ~~to~~ the inhabitant.

Article 2. The Brigadier, III corps and MR 3 chief of Staff, is responsible for execution this decision.

APO, 8177, 6 July 1971
LTG Nguyen Van Minh
III corps + MR 3 Commanding General.
(Signed and sealed)

Distribution:
- III corps Liaison Team to the IATF. "For forwarding"
- HQ / JGS / A.G. office.
- HQ / FWMAF. "For information"
- HQ / TRAC "For whatsoever concerning"
- File

Republic of Vietnam

ARMED FORCES HONOUR MEDAL

Considering the Decision
No: 119/QDIII + QK3/QD/DDBT dated 06/7/1971

MALCOLM ALWYNNE Count _ Major _ 58023 _ Australian Task Force.

is awarded the Armed Forces Honour Medal First class.

for his sincere and enthusiastic assistances to the Republic of Vietnam Armed Forces.

This diploma is issued to whom it may concern.

APO 3177, 06 July 1971
LTG Nguyen Van Minh
III corps and Military Region
Commanding General
(Signed and sealed)

Registered No: 1813
Lt col. Nguyen Ngoc Ho
Adjutant General Commander
(Signed)

(2)

Republic of Vietnam
Phuoc Tuy Province

Phuoc Tuy, 12 July 1971
No: 183/VP/NV2

ROUTING SLIP.

To: Brigadier, commander 1ATF.
Nui Dat

contents of the correspondence	quantity	Remarks
- Decree No. 1265-GD-VT/~~DH~~/ND dated 1-7-1971 of the Ministry of culture and Education awarding the culture and Education Service Medals Second class to Lt Col. outridge and captain A. Jordan.	02	Forward to 1ATF for transmittal to Lt Col. outride and captain A. Jordan with the warmest compliments of our province.
- culture and Education Service medal diploma. - - - -	02	
- Boxes of culture and Education service medal.	02	

Province Chief
Lt Col. Nguyen Van Tu
(Signed and sealed)

Republic of Vietnam
Ministry of Education

Decree No. 1265/GD/VT/DH/ND dated 01.07.1971 awarding of culture and Education Service Medal Second class to Lt. col. ontridge, commander 1 Aust CA unit and Captain A. Jordan Education Advisor, Phuoc Tuy Province.

Minister of Education

- considering the Constitution of the Republic of Vietnam dated 1 April 1967.
- considering Decree No. 394-TT/SL dated 1 Sept 1969 determining the composition of the Government, corrected and supplemented by Decree No. 366-TT/SL dated 12.6.1971.
- considering Decree No. 33-GD dated 19.9.1969 prescribing the position and function of Minister of Education.
- considering Decree No. 860-TT/SL dated 1.8.1968 creating the "culture and Education Service Medal".
- considering ordnance No. 206-TT/ND dated 1.8.1968 determining the level, formation of medal, ways of wearing and condition of awarding the culture and Education Service Medal.
- considering ordnance No. 913/ND/TH.T/VP dated 2.9.1968, entrusting the Minister of Education to consider and award of culture and Education Service Medal.
- considering the recommendation of the Primary School Service chief under the agreement of Phuoc Tuy Province chief.
- considering agreement of Ministry of National Defense.
- considering decision of Ministry of Education, Board of

examinination of awarding the Culture and Education Service Medal dated 20. 01. 1971.

DECREE

Article 1 : The Culture and Education Service Medals are awarded to :

- Lt.col. outridge, commander 1 Australian Civil Affairs unit in Phuoc Tuy Province.
- Captain A. Jordan, 1 Australian CA unit, Education Advisor in Phuoc Tuy Province.

The above-mentioned officers have co-operated energitically and sincerely in the educational service in the province.

Article 2 : Deputy Minister of Education, chief of cabinet office, Secretary General of Ministry of Education, each may concern, carry out this Decree.
This Decree will be published in Government of Viet-Nam Gazette.

Saigon, 01 July 1971
Minister of Education
Mr. Ngo Khac Tinh
(Signed and sealed)

Distribution :
- Office, Prime Minister Palace (award office)
"For reporting"
- Joint General Staff (10 copies)
- Ministry of National Defense (02 copies)
- Phuoc Tuy Province Administrative office.
- Directorate of Primary School and Community education.

(Following to your Routing Slip No. 361/HC/LGT dated 04. 1. 1971)

Please Buy Primary School Service (03 copies)
"for information and transmittal"
- Records Service and GUN Gazette.

Republic of Vietnam

Culture and Education Service Medal.

Considering Decree No. 1265-GD-VT-ĐH-MĐ dated 01-07-1971.

Lt. colonel Outrige

is awarded the "Culture and Education Service Medal Second class".

This diploma is issued to whom it may concern.

Registered No: 1191

Saigon, 01 July 1971
Minister of Education
Ngo Khac Tinh
(Signed and sealed)

Republic of Vietnam

Culture and Education Service Medal.

Considering Decree No: 1265-GD-VT-DH-MD dated 01-7-1971

Captain A. Jordan

is awarded the "Culture and Education Service Medal 2nd class"

This diploma is issued to whom it may concern.

Saigon, 01 July 1971
Minister of Education
Ngô Khac Tinh
(Signed and sealed)

Registered no: 1192.

R445-2-2

25 May 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. Citation certificates are enclosed for recording and forwarding to the following members:

a. 57053 Maj P.M. Jeffery - 8 RAR.

b. 37811 Maj M.C. Peck - 8 RAR.

c. 43968 Cpl T.D. Elliott - 8 RAR.

d. 1734702 Pte A.E.S. Shrapnell - 8 RAR.

e. 1735070 Pte G.M. Pollard - 8 RAR.

f. 48702 Pte M.B. Timothy - 8 RAR.

g. 2791851 Pte P.J. Rock - 8 RAR.

(M.A. COUNT)
Maj
For Cond 1 ATF

Enclosure: 1. Citation Certificate (7).

Considering Decision of the General, Chief Joint General Staff, Republic of Vietnam Armed Forces.
The following awards are announced :

- Cross of Gallantry with Palm is awarded to :

Lt.Col. John M. CHURCH Bn. Comman der, 2 RAR.

- Cross of Gallantry with Gold Star :

2/LT. Neil Gibson Platoon Comman der, 2 RAR.
SGT. Jeffrey Keith ALEXANDER, Platoon Sergean t, 2 RAR.
Private Richard Kenneth HAWKINS machine gunner, 2 RAR

- Cross of Gallantry with Silver Star :

Major Graham David HOFFMAN, Company Commander, 'B' Company, 2 RAR.
Major Arthur Barry PETERSEN Company Commander, 'C' Company, 2 RAR.
Major John Douglas McGUIRE Company Comman der, 'V' Company, 2 RAR.
Sergeant David Paul BEATTIE Platoon Sergeant, 'V' Company, 2 RAR.
PRIVATE William FRANCIS ANGELL

-Cross of Gallantry with Bronze Star :

Corporal Basil Maurice John NISSEN, Section Commander, 'V' Company, 2 RAR.
Corporal Barry Ronald SEELEY, Section Commander, 'V' Company, 2 RAR.
Private Harry Arthur ELLISON machine gunner, 'V' Coy, 2 RAR.
Private Daryl James PATTISON Assault Pioneer, 'V' Company, 2 RAR.
Private Thomas Anthony WALLACE, machine gunner, 'C' Company, 2 RAR.

The above named soldiers have proved to be outstanding who stayed close to the unit and fought bravely causing heavy casualties to the enemy on personnel as well as weapons.

- Armed Forces Honour Medal, 1st Class :

Major Roy Thomas Vitor TAYLOR, HN. Second in Commander , 2 RAR.
Major Anthony R. ROBERTS Operation Officer, 2 RAR.

Throughout of their tour in Vietnam up to now, the above named officers have distinguished themselves in their duties and have worked closely to the unit which facilitated the high standard of operational effectiveness as well as the psyops, civic action activities. Their works have supported effectively the Revelutionary Development of Phuoc-Tuy Province authorities.

/

R445-2-2

17 May 71

HQ AFV

ALLIED AWARDS

1. The following items are forwarded for recording at AHQ (MS):

a. Citation for Gallantry Cross with Palmawarded to Lt Col J.M. Church (VN and English).

b. Citation for Certificate of Outstanding Achievement awarded to Maj D.R. Twigg-Patterson by Phuoc Tuy Province Chief (VN and English).

c. Letter of commendation for Maj D.R. Twigg-Patterson from C of S - MACTR - CS.

d. Citation for Armed Forces Honour Medal awarded to Capt C.J.R. Nord, 7 RAR.

e. Recommendations for award of the US Aircraft Crewman badge for 21 members of AFV. A copy is attached for each member.

2. Capt Nord's citation is intended for his eventual ownership. Copies of the other items are held by the officers concerned.

(M.A. COUNT)
Maj
For Comd 1 ATF

Enclosure: 1. Citations (3)
2. Letter (1)
3. Recommendations (21)

R445-2-2

25 Apr 71

HQ AFV

For Information

3 RAR

ALLIED COMMENDATIONS
LT R.J. WOOD - 3 RAR

1. Enclosed is a letter of commendation concerning the above officer from the District Senior Advisor, Dat Do.

2. Please pass to AHQ (MS) for inclusion in the officers records.

(M.A.GOUGH)
Maj
For Comd 1 ATF

Enclosure: 1. Letter of Commendation.

OFFICE OF THE PROVINCE SENIOR ADVISOR
Phuoc Tuy Province, MR 3
CORDS Advisory Team 89
APO 96291

AVFBG-PT-DD 20 April 1971

SUBJECT: Letter of Appreciation

THRU: Province Senior Adviser
Phuoc Tuy Province
Advisory Team 89
APO 96291

TO: Commander
First Australian Task Force

I wish to take this opportunity to express my appreciation to First Lieutenant Robert J. Wood, 519349, for a job well done. As the First Australian Task Force Liaison Officer at Dat Do District, Lieutenant Wood performed his duties in an exemplary manner during the period 30 January 1971 to 6 April 1971.

Lieutenant Wood strived to represent his unit and his country in the best possible way and at the some time contribute to the districts pacification effort. He was quick to anticipate potential problem areas and eager to alleviate them before they hampered future endeavors. Although young in years, Lieutenant Wood's mature approach to his job soon won him the respect of the Vietnamese district officials.

Lieutenant Wood has undoubtedly contributed to the spirit of joint participation in order to eliminate the enemy in Dat Do. I am sure that his performance as the Dat Do Liaison Officer is indicative of his future contribution to the furtherance of his country's goals in Vietnam. I wish him much good fortune in the future.

Thomas K. Hightower
THOMAS K. HIGHTOWER
Major, Infantry
DSA Dat Do

OFFICE OF THE PROVINCE SENIOR ADVISOR
Phuoc Tuy Province, MR 3
CORDS Advisory Team 89
APO 96291

AVFBG-PT-DD 20 April 1971

SUBJECT: Letter of Appreciation

THRU: Province Senior Advisor
Phuoc Tuy Province
Advisory Team 89
APO 96291

TO: Commander
First Australian Task Force

I wish to take this opportunity to express my appreciation to First Lieutenant Robert J. Wood, 519349, for a job well done. As the First Australian Task Force Liaison Officer at Dat Do District, Lieutenant Wood performed his duties in an exemplary manner during the period 30 January 1971 to 6 April 1971.

Lieutenant Wood strived to represent his unit and his country in the best possible way and at the some time contribute to the districts pacification effort. He was quick to anticipate potential problem areas and eager to alleviate them before they hampered future endeavors. Although young in years, Lieutenant Wood's mature approach to his job soon won him the respect of the Vietnamese district officials.

Lieutenant Wood has undoubtedly contributed to the spirit of joint participation in order to eliminate the enemy in Dat Do. I am sure that his performance as the Dat Do Liaison Officer is indicative of his future contribution to the furtherance of his country's goals in Vietnam. I wish him much good fortune in the future.

Thomas K. Hightower

THOMAS K. HIGHTOWER
Major, Infantry
DSA Dat Do

DANH SÁCH CÁC QUÂN NHÂN THUỘC TIỂU-ĐOÀN 2
CHIẾN-ĐOÀN ĐỨC-ĐẠI-LỢI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ ÂN THƯỞNG Huy CHƯƠNG VH

---oOo---

Số T.T.	Họ và Tên	Số quân	Cấp bậc	Chức Vụ	Đơn Vị	Thời gian phục vụ tại. VN		Cước chú
						Đến	Đi.	
01								
	A.- Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Vàng							
01	Authony Rôdgers ROBERTS	33802	Thiếu-Tá	Sĩ Quan Hành-Q/TĐ	BCH/TĐ 2	29-4-1970	tháng 05-1971	
02	Peter Neil Gibson	217418	Trung-Úy	Trg-Đội Trưởng	ĐĐ/B TĐ/2	nt.	nt.	
03	Jeffrey Keith ALEXANDER	43169	Trung-Sĩ	Trung-Đội Trưởng	ĐĐ/C TĐ/2	17-5-1970	nt.	
04	Richard Kenneth HAWKINS	1735350	Binh nhì	Xạ thủ đại-liên	ĐĐ/B TĐ/2	10-5-1970	nt.	
	B.- Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Bạc							
05	Graham David HOFFMAN	14969	Thiếu-Tá	Đại-Đội Trưởng	ĐĐ/B TĐ/2	29-4-1970	thắng 5-1971	
06	Arthur Barry PETERSEN	13368	nt	nt.	ĐĐ/C TĐ/2	05-5-1970	nt.	
07	John Douglas McGUIRE	30619	nt.	nt.	ĐĐ/V TĐ/2	22-4-1970	nt.	
08	David Paul PEATIE	580917	Trung Sĩ	Trung-Đội Trưởng	ĐĐ/V TĐ/2	22-4-1970	nt.	
09	William Francis ANGELL	387723	Binh Nhì	Trợ Toán Tr.Sĩ	ĐĐ/V TĐ/2	08-5-1970	nt.	
	C.- Anh Dũng Bội Tinh với Ngôi Sao Đồng							
10	Basil Maurice John NIESEN	570354	Hạ Sĩ	Tiểu đội Trưởng	ĐĐ/V TĐ/2	14-5-1970	nt.	
11	Barry Ronald SHELLY	17613	Hạ Sĩ	nt.	Tiểu-Đoàn 2	12-5-1970	nt.	
12	Harry Arthur ELLISON	584637	Binh Nhì	Xạ thủ đại-liên	Tiểu-Đoàn 2	08-5-1970	nt.	
13	Daryl James PATTISON	3797525	Binh nhì	nt.	nt.	14-8-1970	nt.	

14	Thomas Anthony WALLACE	44936	Binh Nhì	Xạ thủ đại-liên	Tiểu-Đoàn 2	17-5-1970	thắng 5-1971

D.- Danh Dự Hội Tinh Độ I Hạng :

15	Roy Thomas Victor TAYLOR	50800	Thiếu-Tá	Tiểu-Đoàn Phó	Tiểu-Đoàn 2	29-4-1970	thắng 5-1971

Núi-Đất, ngày 17 tháng 03 năm 1971

Trung-Úy TRẦN VĂN CẦN

Trưởng-Toán Liên-Lạc Cạnh Chiến-Đoàn UDL



AWM 276.